

NĂM THỨ NĂM 185

GIÁ 0\$ 15

12 JANVIER 1933

Phụ-nữ Tân-văn

XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM

N° A-1198



Phản son tò diêm sơn - hà
Làm cho rõ mặt dàn-bà nước Nam

TÒA-BÁO
(RÉDACTION ADMINISTRATION)
N° 48, Rue Vanner, N° 48
SAIGON

22/5/1933
H.C.

SÁCH “GIA CHÁNH”

Có bán tại báo quán Phụ-nữ Tân-văn. Sách này chia làm 4 phần :

Phần thứ nhất. — Chỉ cách nấu lối một trăm món ăn thường. — 20 món đồ báy, ít món đồ chay.

Phần thứ nhì. — Chỉ cách làm 80 món bánh và 30 món mứt.

Phần thứ ba. — Bản về cách sắp đặt cỗ bàn, việc ăn, cách chung đụn, cách tiếp đãi vân vân.

Phần thứ tư. — Phụ thêm mục **gia đình thường-thức** để giúp chị em việc vật-vanh trong nhà.

Sách in giấy thiêt tốt dặng dè dời, bìa sách lại chinh tay nhà nǚ mỹ-thuật là cô Lê-thị-Lựu tốt-nghiệp trường Mỹ-thuật Hà-nội vê giúp.

Giá bán mỗi cuộn : 0\$ 80

Còn vị nào ở xa muôn mua xin gửi mandat theo thư phụ thêm 0\$ 20 tiền gửi và để cho Phụ-nữ Tân-văn Saigon, thì sẽ tiếp được sách.

Đi chụp hình mà không đèn

Photo Dakao

thiệt là đáng tiếc

Vì PHOTO DAKAO chụp
hình dà khéo mà già
lại rẻ hơn các nơi

Cứ lại ngay
PHOTO DAKAO
ở ngang gare Dakao

CẨM TRÍCH LỤC CÁC BÀI VỞ ĐẶNG TRONG PHỤ-NỮ TÂN-VĂN MÀ IN LÀM SÁCH
(DROITS DE REPRODUCTION RÉSERVÉS)

PHU NU TAN VAN

Năm thứ năm, số 185 — 12 Janvier 1888

Chủ-nhơn : Mme Nguyễn Đức Nhuận
Chủ-nhiệm : M. Nguyễn Đức Nhuận
Báo-quán : 48, Rue Vannier Saigon
Số dây nói : 866, Saigon
Địa-thép-tất : Phunutanvan Saigon

GIÁ BÁO — Một năm 6\$00 — Sáu tháng 3\$50 —
Ba tháng 1\$80 — Mua báo phải trả tiền trước, thư từ
và mandat xin gửi cho M. Nguyễn-đức-Nhuận chủ-
nhiệm Phụ-nữ Tân-văn, 48, Rue Vannier Saigon.

YÊU MỤC

- Thể nào cũng phải lập « Nhà nghỉ đêm ». — P. N. T. V.
- Thời-sự Đoàn-binh : I, II.
- Người Pháp dịch Cung-cán: Ông G. CORDIER
- Dạy tiếng Pháp & lớp Tiền-học. — ĐÔNG-LƯU
- Chỗ sal làm trong bài Ông Tịnh-Xuân. — KHẨ-GIA
- Con-chiên cái của cụ Séguin. — P. D. NGUYỄN
vân vân

VĂN-UYÊN — TIN TRONG NƯỚC — TIỂU-THUYẾT
và PHẦN-NHI-BỘNG

THÈ NÀO CỨNG PHẢI LẬP “NHÀ NGHỈ ĐÊM”

Một điều trông mong ở các vị chủ phò



Trong số báo kỳ trước, cũng nơi mục này, chúng tôi có đề cài vấn-dề lập « Nhà nghỉ đêm » (asile-de nuit) mà nhắc với độc-giả.

Đại-ý chúng tôi cho rằng ở vào giữa buổi kinh-lễ khùng-hoảng, số người thất-nghiệp mồi ngày một nhiều như buổi này, thì việc lập « Nhà nghỉ đêm » thật là khẩn-thiết và nên làm hơn ở lúc nào hết thảy.

Sau khi số báo ấy đã ra rồi, thì có nhiều bức thư của anh em lao động ở Saigon-Cholon và các miệt phu-cận gửi đến để hưởng ứng và có ý khích-lệ chúng tôi về việc lập « Nhà nghỉ đêm ».

Bởi vậy, hôm nay chúng tôi xin phép độc-giả cho nói trở lại cái việc quan-hệ ấy một lần nữa.

Trong mấy bức thư đã gửi đến, xem qua có nhiều người thi biếu-dòng-tinh với Bồn-báo, nói rằng giữa lúc này mà bàn về việc lập « Nhà nghỉ đêm » thì chẳng còn chí thích-hiệp bằng ; có người tỏ ý than-phiền tức giận, nói rằng một công việc như thế, kè cũng chẳng phải to-lát khó-khăn gì cho lung lâm, thế mà ở Saigon này, từ các đoàn-thề lớn nhỏ cho đến các tư-nhơn, lại không có ai đứng ra mà làm được ! Có nhiều người lại đem kè với chúng tôi những nồng-nỗi thống-khổ của hạng nghèo khổ không nhà, từ mai đến tối, suốt ngày lẩn đẽm, lúc nào cũng vẫn lang-thang lười-thười, nằm ngồi vẩn vơ dựa theo những lề chái bờ hoang, hoặc ở các chỗ nhà ga góc chợ.

Sau lại, theo như ý nhiều người khác, thì bấy giờ đây, nếu có được những « Nhà nghỉ đêm » lập ra theo như kiểu Phụ-nữ Tân-văn đã nói chuyện đó, thì cái phước-trạch sẽ dồi-dào cho hạng người vô-gia cư-nghè-nghiệp, sự đó đã dành rồi, nhưng mà sự lợi ích của « Nhà nghỉ đêm » cũng sẽ thâm-thấp đến hạng người lao động làm ăn nứa. Sao vậy ? — Vì hiện nay, nếu ta đề ý quan-sát, thì có một số rất đông anh em chị em lao động bằng tay chưa, nhà cửa ở xa chầu thành, nên mồi ngày đi làm việc, đến trưa



phải ở nghỉ luôn tại Saigon ; thành-thứ trưa nào ta cũng thấy ở trước mấy cái hàng ba của mấy hàng với ở dưới bóng cây ngoài đường người ta chen nhau mà nằm nghỉ.

Bối với hạng người làm ăn mà nghèo khổ ấy, chúng ta hả lại chẳng nên kiêng chò mà che mưa che nắng cho họ kèo tội nghiệp sao ? Nếu nhận là nên là phải, thì khi nào « Nhà nghỉ đêm » đã thành-lập, ban đêm thi chưa hạng người không chò an thân, mà lúc trưa, thi tưởng nên để dành làm chò nghỉ trưa cho hạng người lao-dộng đáng thương như vira mới nói đó. Như vậy thi việc lập « Nhà nghỉ đêm » thành ra nhứt cứ lường đảo, cho nên lại càng là một việc đáng làm lắm vậy.

Trên đó là đại-lược những ý-kiện của đồng bào ở trong mấy bức thư mà Bồn-báo đã tiếp được. Bấy nhiêu cũng đủ chứng tỏ ra rằng bàn về việc lập « Nhà nghỉ đêm » ở giữa bời kinh-tế khuân-bách này, thật chẳng khác nào như gài trúng vào chò ngựa của xã-hội, đến nỗi tiếng hô-hào của chúng tôi đó vang dội mạnh hơn là chúng tôi không dám dự tưởng. Mấy hôm nay, cứ mỗi khi ngồi mà xem lại những bức thư của độc-giả hướng-ýng về việc lập « Nhà nghỉ đêm », thi chúng tôi bất-giác băn-khoăn trong tắc lòng... Người xưa có nói rằng « ở đời nên để dành một hàng nước mắt để khóc những việc lớn mà không thể làm » (一副淚泣天下大事不可爲) nhưng nghĩ lại cái việc lập « Nhà nghỉ đêm » này cũng chưa phải là việc to-tát khó-khăn gì mấy, nếu trước khi chưa thử làm cho bết sức, chúng ta đã chịu ngồi khoanh tay rẽ, nhìn ngó cái vết thương trong xã-hội mà ứa hai hàng nước mắt, thi chẳng cũng bạc-tài và đáng thẹn lắm ru ? !...

Không cần nói chắc độc-giả cũng biết rằng gần đây đồng-nhơn chúng tôi mắc bận về công việc hội « Duc-anh » ở Cầu-rạch-Bản, nếu gánh vác nhiều việc một lần thi sợ e không khâm với nghĩa-vụ, thành-thứ trong bài trước, chúng tôi có ý mong mỏi việc lập « Nhà nghỉ đêm » nơi một đoàn thể lớn ở ta đây, là hội « Xã-hội Cửu-tế ».

Nhưng nay nghĩ lại thi việc đã là việc khẩn-thiết, nếu cứ ngồi mà bàn suông nói dọc hoài và lẩn lụa mong chờ bên tâ bên huru, thi chẳng hóa ra cũng cò-phụ với lòng trọng-dị và sự khuyển-khích của anh em chị em ?

Vậy nên trót đã đón ra thi phải xác, báo Phụ-nữ đã bàn đến vấn-de lập « Nhà nghỉ đêm », anh em chị em đâu đó đều hô lớn lên rằng việc ấy rất là cần kíp, thi dầu không đủ sức, Phụ-nữ chúng tôi cũng xin thử nghĩ cách đe thiệt-hành.

Song cũng bởi tự tri rằng mình không đủ sức, nên hôm nay Bồn-báo mới xin nhơn-danh anh em chị em nghèo khổ mà kêu gọi tấm lòng từ-thiện của các ông chủ phò ở trong chau-thanh.

Vì sao mà Bồn-báo lại phải làm rộn đến mấy ông ? — Vì theo con mắt chúng tôi trong thấy thi hiện nay những phò bị bỏ trống chẳng thiếu gì, có nhiều căn thấy bỏ đã gần trót nám rồi mà vẫn chưa ai mướn. Chúng tôi rất trông mong rằng trong những chủ có phò bị bỏ trống đó, nếu có ông bà nào nhìn nhận việc lập « Nhà nghỉ đêm » là chánh-dáng, thi sẽ vun trồng quả phước, ròng mở lòng nhơn mà chịu cho mượn không một căn phò để làm « Nhà nghỉ đêm », chờ dùng lấy tiền mướn. Nếu ông bà nào giàu lòng trắc-lau được như vậy, thi xin cứ viết thư hoặc kêu dây thép nói cho chúng tôi hay, chúng tôi sẽ xin công bố tin mừng lên báo-chương một cách rất trân trọng. Ông hay bà chỉ chịu cho mượn căn phò không là đủ rồi, đến như sự tò-chức bên trong làm sao cho thành cái « Nhà nghỉ đêm » xứng đáng, thi ấy là về phần Phụ-nữ chúng tôi nhận lãnh.

Chắc các ông các bà đã có thấy các báo hàng ngày đăng tin ông Sáu Nhiều ở ta phát chẵn 5.000 đồng mới rồi. Cái gương ấy làm cho chúng tôi tin rằng trong các chủ phò Annam ta chắc có lắm người có thể làm như ông Sáu Nhiều hoặc hơn ông Sáu Nhiều kia nữa !...

P. N. T. V.



THỜI SỰ DOÀN BÌNH

Tóm tắt về việc bỏ chữ Hán,
các ông Dân-biều cũng
đồng ý-kiện với
Phụ-nữ Tân-van

Dộc-giả còn nhớ rằng sau khi đã đăng cái tin ông Phạm-Quỳnh được vời về kinh để sung chức Đằng-lý Ngự-liền văn-phòng rồi, thi tờ báo này đã liên đem ra bày tỏ với Phạm tiên-sanh một ý-kiện mà chúng tôi vẫn cho là quan-hệ : ấy là việc xin bỏ hẳn chữ Hán đi để dùng quốc ngữ và chữ Tây mà thế vào trong các công-văn & Trung-ký.

Chúng tôi cho việc bỏ chữ Hán ấy là khẩn-thiết và có quan-hệ cho sự tân-hoa của nhơn-dân Trung-ký nhiều lắm, vì rằng hiện nay ở ngoài ấy khoa-cử đã bải lâu rồi, trong dân không còn ai cho con học chữ Hán làm chí nữa ; mà về phương-diện quan-trờr, thi những quan-lại do Hán-học xuất thân cũng mỗi ngày một « rụi » lần và bị thay thế bởi những ông quan tân-ban, nghĩa là những người chữ Tây giỏi, mà chữ Tàu thi vẫn không biết mấy chút. Như thế, sự dùng chữ Hán trong công-văn chẳng những có hại cho nhơn-dân rất nhiều mà bắt-liên cho quan-lại cũng chẳng ll, thi còn tiếc gì mà chẳng bỏ quách nó đi để dùng chữ quốc-ngữ ?

Phương chi, vua Bảo-Đại vốn là một vị đế-vương tân-học thứ nhất của nước ta, thi há lại chẳng nên nhơn dịp Ngài mới lâm-chánh này mà thiệt-hành việc dùng chữ quốc-ngữ trong các công-văn là một việc cải-cách có thể khiến cho thần dân cảm bội và ghi nhớ lấy ơn vua một cách lâu dài ?

Trên đó là tóm-tắt những ý-kiện mà chúng tôi xin nói thêm rằng trước đây sô-dĩ chúng tôi đã đem cái ý-kiện dùng quốc-ngữ trong công-văn nay mà thưa chuyện với ông Phạm-Quỳnh, là vì chúng tôi vẫn không quên rằng trước khi làm tôi ở triều Huế, Thượng-Chi tiên-sanh vốn xung minh là « tôi của quốc-văn » ; cho nên thiết-tưởng mỗi khi có cơ-hội làm cho quốc-văn ta được vê-vang và thêm có thể-lực, chắc tiên-sanh cũng không nở bỏ qua vậy. Mong thay !...

Hoàng-thượng mấy bài thỉnh-cầu, trong đó có một bài xin-bỏ chữ Hán đi mà dùng dùng trong các công-văn nua.

Đại-dè thi mấy ông Dân-biều Trung-ký cũng viện những sự lý giống như chúng tôi vira mới nói qua ở trước đó. Nhưng cứ theo lời mấy ông Dân-biều thi trước kia trong quan-lai đã có người tò ý phản đối về việc xin bỏ chữ Hán :

« Năm kia chúng tôi đã nhắc đến vấn-de giảm « chữ Hán trong công-văn, thi có một vị quan-lai « nói bộ luật là mang-mach của dân, mà bộ luật Gia-long toàn là chữ Hán, nên phải dùng chữ Hán mà « xík kiện, chờ dem dịch ra quốc-ngữ thi sai ý-nghĩa « bộ luật ấy đi, không tránh khỏi những đều lầm lạc mà « dân thân-odn ». »

Nhưng mấy ông Dân-biều Trung-ký bèn cãi lại rằng :

« ... Khi ấy, chúng tôi cũng có phần cho là phải : « nhưng nay nhơn tiên Chánh-phủ giao cho quan « chánh-tòa án Collet sửa bộ luật Gia-long lại cho « hiệp với trình độ nhơn-dân. Bộ luật mới ấy là « chính quan Collet làm ra chữ Tây là bản chánh, « mà dân không biết chữ Tây nên phải dịch lại chữ « quốc-văn là có-nhiên rồi, chờ có lẽ gì lại dem dịch « lại chữ Hán nữa ? Dịch qua, dịch lại mấy lần như « thế, thật không tránh khỏi sự lầm lạc như lời nói « của một vị quan « đã nói trên vậy. Chúng tôi xin « Chánh-phủ đừng dịch bộ luật tốt lành ấy ra chữ « Hán làm gì nữa, thi mới mong có ngày giảm chữ « Hán đi ngõ cho nhơn-dân nhờ được các đều « tiện lợi. »

Sau khi biêu-dồng-tinh với mấy lời chánh-dáng của các ông Dân-biều Trung-ký trên đó, chúng tôi xin nói thêm rằng trước đây sô-dĩ chúng tôi đã đem cái ý-kiện dùng quốc-ngữ trong công-văn nay mà thưa chuyện với ông Phạm-Quỳnh, là vì chúng tôi vẫn không quên rằng trước khi làm tôi ở triều Huế, Thượng-Chi tiên-sanh vốn xung minh là « tôi của quốc-văn » ; cho nên thiết-tưởng mỗi khi có cơ-hội làm cho quốc-văn ta được vê-vang và thêm có thể-lực, chắc tiên-sanh cũng không nở bỏ qua vậy. Mong thay !...

PHU NU TAN VAN

Một cái ý-kiện rất ngộ nghĩnh;
Một công-việc rất nên làm.

Phụ-nữ Tân-văn từ ngày ra đời đến nay, đối với nhút-thiết những công việc từ-thiện trong xã-hội, vẫn hằng ltru-tâm và khích-thích luôn luôn. Ngoài những việc do chúng tôi đã đề-xướng ra, như việc lập Học-bổng, việc lập viễn Dục-anh và mời đây, như việc lập « nhà ngủ đêm », việc iđ-chức « ngày vui của trẻ con nhà nghèo », v. v... thì đối với những công việc từ-thiện do các bạn đồng-nghiệp khác hổ-hào, hể mỗi khi thấy việc gì chánh đáng, chúng tôi cũng vui lòng hưởng ứng và tán-thanh luôn.

Nói thế là để cho độc-giả khỏi lấy làm lạ mà thấy hôm nay chúng tôi tán-dồng với một cái ý-kiện của báo Công-luận.

Số là trong dịp lễ Noel mới rồi, báo Công-luận có phát-biểu một ý-kiện rất ngộ nghĩnh, tức là việc làm ra « Cây mùa xuân ».

Cây Mùa Xuân là gì?

Theo phong-tục bên tây, mỗi năm đến lễ Noel tức ngày 25 Décembre, người ta có bày ra cây Noel (l'Arbre de Noel), là một cái cây hoặc lẵng bằng giấy, hoặc lẵng bằng nhánh thông, trên có treo đủ những áo quần và đồ chơi cho con-nít.

Thường năm, cứ đến lễ Sân-nhật (Noel) thì các hội Phước-thiện họ bày ra « cây Noel » để cho con-nít nhà-nghèo được hưởng il món đồ chơi cho khỏi buồn khói túi. Vì con-nít nhà có tiền, đến lễ này bao giờ cha mẹ, không nhiều thì ít, cũng có mua sắm cho đồ này, đồ khác.

Ở ta đây, mỗi năm nhà xec tây ở Saigon cũng đều có bày ra « cây Noel » để tặng đồ chơi cho con-nít.

Còn bên Pháp, ngày 24 Décembre, là ngày quan Giđm-quốc dùng một « cây Noel » cực kỳ tốt đẹp, rồi quí-tự năm ba trăm con-nít của các hang binh-dân đi theo cha mẹ về tận đền Elysées mà uống trà ăn bánh dũng lanh đồ chơi luôn thê.

Áy đó, cái ý-nghĩa của « cây Noel » của tây đại-lực là vậy.

Bấy giờ bạn đồng-nghiệp của chúng tôi ở đường Pellerin cũng muốn cho ta bài chửng theo cái mý-tuc áy của người phương tây và mỗi năm cứ gần đến Tết, thì bày ra một cây gọi là « Cây Mùa Xuân » để phân phát đồ chơi và quần áo cho trẻ em nhà nghèo ở xứ mình.

Báo C. L. có lò ý trong mong hội S. A. M. I. P. I. C. sẽ đứng ra mà làm việc này tại Saigon trước để treo gương cho các hội từ-thiện ở Lục-Ính.

Đó cũng là một cái ý hay; song theo chúng tôi

còn nghĩ, thì nếu như hỏi S. A. M. I. P. I. C. (Đức tri Thê-duc) mà không làm, thì các báo quốc-ngữ Saigon này cũng có thể làm được. miễn chung ta nhìn nhận đó là một việc nghĩa đáng làm và tổ chúc đồng-lâm với nhau là dù.

Thật vậy, nếu như các báo, báo nào cũng đều chịu khó phái người đến các hiệu buôn lây nam mà xin mồi hiệu mọi il món đồ chơi, đến các tiệm may, các truong day nữ-công nữ-nghệ, cùng các cô các bà có tiền mà xin mồi chỗ một il nón giày, quần áo con-nít, thì chúng tôi thiêt-trưởng nội trong il ngày cũng dù đồ làm một « Cây mùa xuân » rồi, chờ chảng cần phải lốn tiền chi cả. Đến lúc đã có sẵn đồ rồi, nếu không thê nào dụng c y áy tại Nhà Hội Annam để, thì chúng ta sẽ kiêm một miếng đất trồng khác trong thành-phố, tưởng cũng chảng khó gl.

Trong dịp Tết năm nay, con-nít nhà nghèo chắc sẽ bị buôn lủi hơn mấy năm nhiều lâm, bởi vậy nên chúng tôi rất lấy làm hoan-nghinh cái ý-kiện của C. L. và mong rằng các bạn đồng-nghiệp ta nên bỏ hết tư-tâm tư-kien và hiệp sức mà thiêt-hành việc lập « Cây Mùa Xuân » để làm phuộc kéo ường.

Phương chi, suốt một năm nay, các báo hằng ngày cứ thấy gáy lợn chửi lợn nhau hoài, thiêt là đặc-lôi với xã-hội nhiều lâm, thì nay gần hết năm, hả lại chảng nên làm một việc có ích để chuộc tội bớt sao ? ...

ĐÃ ĐỌC "PHỤ NỮ TÂN VĂN"

|| mà không đọc ||
« Số Mùa Xuân »

của « Phụ-nữ Tân-văn »
thì thiệt là ường.

Đã đọc « Số Mùa Xuân » mấy năm
|| mà không đọc ||

|| « Số Mùa Xuân » năm nay ||
thì lại càng ường hơn nữa

Xin nhắc cho độc-giả nhớ rằng đúng ngày 19 Janvier năm này thì « Số Mùa Xuân » của Phụ-nữ Tân-văn sẽ ra mắt các bạn.

Lê-Mai, văn-si của binh-dân?

Của THẠCH-LAN

Trước đây vài năm, tôi có dịp nói chuyện cùng ông Lê-Mai tại Saigon. Tôi bảo ông ta câu này : « Nếu anh quá-vãng thì tôi sẽ lượt thuật tiêu-sử của anh. »

Sáng hôm nay, xem báo, thấy tin ông đã từ-trần, tôi vung nhở lai câu nói dùn ngày xưa. Thiệt ra, lai lịch xã-hội cùng với thân-thế ông Lê có làm cho tôi chú ý đã lâu. Con người xuất-thân trong đám binh-dân, không từng nhở được cái học hỏi ở nhà trường mà suốt đời tin ở câu văn lời nói đê kich-thích và huấn-luyệ chung-nhơn, con người ấy dâng cho ta dừng lại trong nứa tiếng đồng-hỗ đê xét nét.

Tôi chỉ tiếc rằng trong tay không có những sách-vở của nhà văn-si « binh-dân » đê phân-tich cho rõ-ràng. Bởi vậy bài này không thê là một bài phê-bình văn-chương; tôi chỉ nhơn dịp này mà tiếp với lời tật-hó trong bài « văn-chương cảm-tinh » của tôi dâng ở báo này hồi năm ngoái đê giàn-liếp gọi những anh em trong trường tranh-dấu « lợi-dụng một buổi nghĩ giữa hai buổi làm công mà trước-tác ». .

Lê-Mai, một người văn-si di guốc, áo ngắn, bán hàng ở ngoài chợ: Một điều mới lạ trong xã-hội Annam ! Nếu ông Phạm-Quỳnh, là một nhà văn-si « qui-phái » thì Lê-Mai là một nhà văn-si « liện-phái » hay là binh-dân chăng ?

Lê-Mai ở trong đám binh-dân thật.— Chánh vì thê mà chúng tôi chú ý. Nhưng Lê-Mai có phái là văn-si của binh-dân hay không, thì còn phải xem sự-nghiệp văn-chương của ông dã. Sống trong hoàn-canh binh-dân, tự mình cũng là người nghèo, không có quyền-tước, không có tư-bền, Lê-Mai phân-dông đỗi với thời-thế, đỗi với xã-hội, đỗi với chế-độ ra thê nào ?

Chúng tôi thù thêt là nhở kỹ những trước-tác của ông Lê, không thấy có một lời tặc-giận, một chát phản-uất gì cả.

Thường người ta hay tin rằng một áy văn-chương, hay là vò-luận một công-trình mý-thuật nào (bút-vé, tượng, bài-dòn, văn-ván) do ở một người có « tam-sự » làm thời là có giá-trị về mý-thuật. Vì Nguyễn-Du có tam-sự mà truyện Kiều mới làm-ly thống-thết tuyệt-trần. Tam-sự

đã diễn ra lời đích-xác tức là mâu-thuẫn hay là tương-phản.

Nhà triết-học Hegel đã biết nói rằng : xã-hội vi có nhiều mâu-thuẫn mà có tranh đấu, vi có tranh đấu mà có tiến-hóa. Cá-nhơn cũng thế: vi trong người có điều mâu-thuẫn (tam-sự) mà có phản-dấu ở bên trong. Như vậy thi cá-nhơn nào cũng có nhiều mâu-thuẫn (tức là tam-sự) càng đê tiến-hóa nhiều. Chúng tôi thêm rằng: nhà mý-thuật nào có nhiều mâu-thuẫn mới phát-biểu ra hằng sự-nghiệp cùm-dộng người ta được. Có người làm cùm-dộng kẽ khác mà thúc-giục tranh-dấu; có người chỉ cầm mà ru cho người ta ngủ (như Nguyễn-Du) nhưng đầu thê nào, cũng là người nhiều tam-sự, nhiều tương-phản với hoàn-canh thi mới cầm được người đọc, người xem, người nghe sâu xa.

Lê-Mai thấy cùm khôn cùng, mà phản động lại chỉ rút có một câu :

Người Annam giúp Annam thời không phải là hiếu-riệu phản-dấu mà năn-ni xin dùng; Lê-Mai cũng không hề vê cùm xung-quanh mình bằng những lời văn-báo oán; Lê-Mai chỉ muôn làm một nhà luân-lý « khuyên » đới, mà luân-lý của văn-si binh-dân đây là luân-lý thanh-hành trong những nhà thống-trị...

Tuy vậy, Lê-Mai là người thành-thật, vi suốt đời chì là một người nghèo. Nhơn dịp ông ấy mất chúng tôi lai gọi những anh em trong đám u-ám sầu-khô và tranh đấu đê ý tời công-trình văn-nghiệp.

Paris, 27 Décembre 1932
THẠCH-LAN

TIN MÙNG

Bồn-báo mới hay tin rằng đến ngày 14 Janvier 1933, bà sương-phu Lâm-quang-Vân, dien-chú ở Tràvinh, sẽ định chử vu-qui cho ai-nữ bà là cô Lâm-ngọc-Khiêm, sánh duyên cùng M. Lê-quang-Đức, Trạng-sư lập-sư tại Tòa-án Paris và là linh lang của bà sương-phu Đốc-phù-sư Lê-quang-Hiền.

Cô Lâm-ngọc-Khiêm vốn là độc-giả rất yêu quý của Bồn-báo, từ ngày báo mới xuất bǎn tới nay, mỗi khi Bồn-báo khởi-xướng ra việc gì, như lập Học-bổng, mở Hội-chợ Đầu-xảo, lập hội Dục-anh văn-ván, cô Lâm đều vui lòng hưởng ứng và vừa giúp. Hiện nay cô vốn là một Hội-viên rất nhiệt thành sôt sắng của hội Dục-anh vậy.

Nhơn dịp cô xuất giá, Phụ-nữ Tân-văn và hội Dục-anh xin chúc mừng cho cô :

Bach niên hảo hiệp như cô sãi cầm.

MỘT NGƯỜI PHÁP

DỊCH « CUNG OÁN »

NGÂM KHÚC » CỦA TA

...Và dần-giải ngợi khen cái áng văn-chương tuyệt-diệu ấy ra thế nào?

Cái vươn văn-chương của ta, so sánh với của người, tuy là vươn minh lơ thơ chật hẹp thật, nhưng chẳng phải là không có một vài thứ có lỗ bông thơm, đáng cho minh nhảm-nhía trang-hoàng và đáng khoe dè người thường ngoạn. Hình như có nhiều ông hù-nho cựu-học ta, ôm cái tành tự-kiêu tự-ái thái quá, tưởng rằng đời này là đời tây-học, có lẽ chỉ mình đã được ít nhiều người biết nếm mùi ngon, ngũ hương là của văn-chương tay; chờ những chỗ thơm tho tốt đẹp trong văn-chương minh, chắc không có một người tay nào được thường-thức. Ấy là một điều tưởng làm rất lớn.

Nếu trong phái tân-học xứ ta, có những người như các ông Nguyễn-văn-Vinh, Phạm-Quỳnh, đã biết tìm tới lựa chọn văn-chương tư-tưởng hay của nước Pháp mà dịch ra quốc-văn cho đồng-bào coi, thì trong phái người Pháp ở đây cũng vậy: họ cũng có người biết tìm tới lựa chọn mấy áng văn-chương hay của nước Nam xưa nay mà phiên-dịch ra Pháp-văn cho người Pháp đọc. Số người Pháp ấy, không chừng còn đông hơn và giỏi hơn số người minh dõi với công việc phiên-dịch văn-chương kia nữa.

Thiệt vậy, xưa nay biết bao là ông cố đạo ra công sựu tâm' khảo cứu về văn-chương Việt-nam và dịch ra tiếng-Pháp, in ra thành sách. Thủ mò cái kho đó ra, coi còn được mấy bài văn thơ của ta mà không qua tay các vị thầy tu sựu tâm và chủ thích? Coi nội mấy bộ từ-nguyên tư-diễn của các ông ấy làm ra, dù thấy công-phu to-tát, bồ-itch lớn lao ra thế nào? Ngoài phải truyền-giáo ra, còn có nhiều người Pháp vào hàng quan-lai hay là phải học-giá, cũng làm công-việc sựu-tâm phiên-dịch văn-chương Việt-nam nữa. Trong phái ấy, hiện nay

có hai ông xuất-sắc hơn hết, ai cũng phục tài mồ tiếng, là ông Crayssac, biệt hiệu *Mặt-giăng*, ngạch quan Cai-trị (*Service Civil*), đang làm chánh ty Kiêm-duyet báo quốc-ngữ Bắc-kỳ; và ông G. Cordier, chánh-thông-ngoân ngạch Tư-pháp Đông-dương, từng sự ở Hanoi.

Hai ông này bấy lâu chuyên dịch những ca ngâm từ khúc của ta để cho độc-giá Pháp được thường-thức văn-chương nước Nam; mấy tập vận-văn kiệt tác như *Túy-Kiều*, *Chinh-phụ*, *Cung-oán*, *Tần-cung-oán*, *Lục-ván-Tiên* v. v... đều do hai ngon bút tài-tinh ấy lẩn lẩn phiên-dịch ra Pháp-văn hầu hết. Hoặc dịch thành ra thơ tây, như ông Creyssac dịch *Túy-Kiều*, đã hay mà lại không sót cái tinh ba của văn-Nam; hoặc là dịch thành văn xuôi, như ông Cordier dịch *Cung-oán ngâm-khúc*, chọi nhau từng tiếng từng chữ, lại có chủ-thích những diễn-xua tích lá rất là rõ ràng. Thấy những bản dịch như vậy, chứng tỏ ra rằng đâu phải không có người Pháp nào biết thường-thức văn-chương ta đâu, mà sự thật là công việc phiên-dịch chủ-thích của họ còn kỹ-tưởng và dày công-phu hơn mấy người minh phiên-dịch văn Phap bội phần vậy.

Đây tôi muốn nói về bản dịch *Cung-oán ngâm-khúc* của ông Cordier.

Ai cũng biết *Cung-oán* là một áng văn kiệt-tác của minh, thuộc về lối « ngâm », câu đặt cung-cát, ý-tử sâu xa, thứ nhứt là dùng diễn-cố rất nhiều; ngay người minh đọc, còn lầm người không hiểu thay, vậy mà một người Pháp đem ra phiên-dịch chủ thích, thì người Pháp ấy tức phải biết giỏi tiếng Việt-nam lại phải kiêm-thông Hán-học mới được. Dịch-giá Cordier chính là người Pháp đó. Đọc bản dịch của ông, để riêng cái giá-trị về Pháp-văn ra khoan-nỏi, chỉ nói nội một sự hiểu biết của

ông ta về Việt-văn và Hán-tự, dù khiến cho anh em minh phải ngợi khen bái-phục vậy. Có đòi tiếng ta, có lẽ chính minh đây không hiểu hết nghĩa mà ông nghiên-cứu đến nơi; có nhiều cái diền-tich của Tàu, không chừng lầm ông nhà nho ta chịu bì, mà ông chủ-thích rành rẽ, thật là tài!

Song ở đây không phải tôi có ý phảm-binh-bản dịch; tôi chỉ muốn đem bài dẫn-ngoân (*introduction*) ông viết trên đầu bản dịch, mà dịch lại đây, cho độc-giá biết cái học-lực của ông về Việt-văn và Hán-văn ra thế nào? Bài này, tuy bốn-ý dịch-giá chỉ để giới-thiệu với người Pháp về *Cung-oán*, nhưng theo ý tôi, nếu đem dịch ra, cũng có ích rất lớn cho người minh. Vì trong đó dịch-giá vừa so sánh *Cung-oán* với *Túy-Kiều*, vừa cắt nghĩa cái lối văn ca-ngâm có âm-văn cao-kỳ ra sao; ấy là những chỗ quan-hệ về văn-chương của minh, mà thật ra phần nhiều người minh chưa biết vậy.

« Tập vận-văn tôi dịch ra chữ Pháp bây giờ đây, nguyên là một áng văn-chương xưa nay các ông nhà nho nước Nam thán-phuc là hay lầm; họ cho là có giá-trị văn-chương ngang hàng với Kim-Vân-Kiều. Có đều xem ra Kim-Vân-Kiều vẫn được phổ-thông hơn là *Cung-oán*, và sự tra chuộng khác nhau đó có nhiều nguyên-nhọn.

Truyện *Kiều* là một thiên tiểu-thuyết dài, có đầu đuôi thử lớp, cốt truyện của nó hơi thông-thường dễ hiểu, và có chỗ hơi động đến việc dâm-ö; trong truyện có nhiều nhon-vật ra làm vai trò, hầu dù hết hàng người trong xã-hội, và lại có lầm cái tinh-canh khác nhau, mà phần nhiều là những cái tinh-canh khõ-não éo le, bao giờ cũng lấy trong cuộc đời bình-thường của người ta ra mà tóm; nhờ vậy thành ra hàng người nào cũng ưa đọc *Kiều*; thứ nhứt là hàng đàn bà ít học mà thán-thế gặp bước gian-truân vất vả quá, lại càng ưa đọc truyện *Kiều* lắm.

Tác-giá khéo tóm ra cuộc đời hàng người nào cũng giống như những bức họa tâ-chơn, rồi đem tâm-sự tư-tưởng riêng của minh mà điểm-tô ký-thác vào, và thiết-tha than-thở về nồng-nỗi tài mang đánh ghen nhau, làm cho đời người dâng cay điu-dùng.

Trong truyện có những bức tranh tả cảnh và những câu nói khóc đời như thế rất nhiều, đến độ rằng không cứ một người dàn-bà nào, hoặc gấp con sầu muộn hay là có chuyện lo xa gi, hè mở cuốn *Kiều* ra là khi nào cũng thấy ngay những

câu nó chiếu-ứng hoặc xa hoặc gần với tâm-sự u-sầu đang làm cho minh ngòn-ngang bối-rối, lai khiến minh có cái thú cắt tiếng ngâm nga, cho nồi lòng được chút nhẹ nhàng khuấy lâng.

Chẳng phải vậy mà thôi đâu; bà nào đang tình có một việc quan hệ sắp xẩy đến noi, đang có cái mộng-tưởng làm sao cho mau phũ-qui, hay là đang ở trong cái cảnh hiềm-nghèo buôn-bực gi, nếu họ muốn biết trước coi số-mạng sẽ phãi dử lạnh xấu tốt ra sao, tức là họ mở cuốn *Kiều* ra bói thử. Lầm rầm khấn vái rồi mở sách ra, hè ngón tay chỉ vào bốn câu nào liền lấy mấy câu ấy ra bàn tán suy nghiệm việc tương-lai của mình. Nếu mấy câu ấy nhâm-canh yên vui sung-sướng, ấy là số-mạng của họ tốt; bằng như có gặp đoạn rầu buôn, vậy là chỉ tỏ rằng họ có việc không hay sẽ xảy-lời, và có mưu tính công chuyện gì, tất cũng chẳng xong. Nhơn người ta có chỗ tin tưởng như thế, nên truyện *Kiều* chẳng phải là tập văn đề ngâm nga tiêu-khiển mà thôi, lại thành ra cuốn sách bối việc kiết-hung họa-phước nữa.

Lời văn tiếng nói của truyện *Kiều* đã rất là phong-phù, mà lại gần như lời văn-liêng nói thông thường, cái đó là nhờ lối văn « lục bát », khuôn khõ nó rộng rãi dễ dàng, khiến cho tác-giá dễ tö bày tư-tưởng hơn, chờ không phãi khuôn khõ chật hẹp bó buộc như lối « giàn-thất ». Thiết vậy, ta thấy trong lối « lục bát », thường khi cái ý-kien vừa bắt đầu trên câu 6, có thè cho nó tiếp theo và kết-liệu trong câu 8 ở dưới liền. Lối « lục bát » dễ đặt hơn, và xem ra phần nhiều người Việt-nam quen đặt và thường dùng lối văn ấy, cho nên mỗi người nào gặp dịp dịp muôn bày tö ra minh có ít nhiều văn-tài, thì họ có thể đặt dễ mấy câu lục bát cho thành văn cũng đc.

Trái lại, lối văn *Cung-oán*, thuộc về thể *ngâm* (*ly, plaintes, élégies*), là một lối văn rất khõ, ngay trong đám thi-gia, ta cũng thấy ít ông đặt văn lối ấy. Nội các sách đã ấn-hành, ngoài *Cung-oán* ra, hiện nay tôi thấy có 6 cuốn khác, cũng đặt bằng thể *ngâm*:

1. — Thu dạ Lữ-ngoài-ngâm;
2. — Hạ-dạ Lữ-hoài-ngâm;
3. — Chinh-phu-ngâm;
4. — Vọng-phu-ngâm;
5. — Nhựt-tinh-ngâm;
6. — Ngũ-canhh-dạ Cảm-tinh-ngâm.

Thể nào là thể ngâm?

Có thể định nghĩa như vậy: ấy là thể văn một mạch bốn câu, hai câu 7 tiếng, một câu 6 và một câu 8.

Làm lối văn này, không những là âm-văn phải cho kêu ca dòn dả mà thôi, mà còn phải cân nhắc từng tiếng cho trùng điệu trắc hay bằng, theo cái âm luật như vậy:

1°— Chữ sau hết ở câu trên 7 tiếng phải « vẫn » với tiếng thứ năm trong câu 7 tiếng dưới.

2°— Câu 7 tiếng thứ nhì, chữ chót phải vẫn với chữ chót câu 6 ở dưới.

3°— Rồi theo như âm-luật thường của lối văn « lục bat », chữ chót câu 6 vẫn với chữ thứ sáu ở trong câu 8.

4°— Sau hết, chữ chót của câu 8 lại vẫn với chữ thứ năm ở câu 7 di theo v.v...

Tôi muốn đem năm câu đầu hết của tập Cung-oán, câu này hiệp vận với câu kia ra sao, để làm ví dụ và dưới mỗi vận có gạch một nét, hai nét, ba nét, cho độc-giả dễ nhận.

Trái vách quế gió vàng biu hắt,

Mảnh vỗ-y lạnh i.gát như đồng.

Oán chí những khách tiêu phòng,

Má xui mạng bạc nằm trong má đảo?

Duyên dã may cờ sao lại rủi; v.v...

Trong sự liên-liếp nhau những câu văn câu dài, xem ra hình như không có phương-pháp gì lập thành nhứt định cho lắm, cái đó, chắc hẳn do chò khăk về sự gieo vẫn mà ra. Nhưng vậy mà ta nên nhớ rằng thường khi câu 7 thứ hai và câu 6 đều đặt theo âm-luật sau này:

1°— Câu 7 T. B. B. T. T. B. B.

2°— Câu 6 B. B. T. T. B. B. (1)

Câu thứ nhứt 7 tiếng, cũng như là câu 8, hình như không có qui cù gì thiệt là nhứt định ra sao, duy có đều phép văn bắt buộc, là chữ chót ở câu thứ nhứt 7 tiếng, tất nhiên phải dùng một thính khác với thính của chữ chót trong câu di tiếp theo. Ví dụ hai câu 7 trên kia, chữ chót câu trên là trắc, thì chữ chót câu dưới bằng vậy.

Còn như phép « diềm câu » (cécure) để ngắt hơi trong một câu văn vẫn ra, khi nó trùng điệu, thì phải:

1°— Sau chữ thứ ba trong câu 7 (Ví dụ: Duyên dã may, cờ sao lại rủi).

(1) T. là chữ trắc viết tắt ; B. là bằng.

2°— Sau chữ thứ hai trong câu 6.

3°— Sau chữ thứ tư trong câu 8.

Coi thể văn ngâm là một cái văn-nghệ rắc-rối khó-khăn đến thế, lầm khi bắt buộc nhà thi-si phải cân nhắc đổi chơi từng chữ từng câu, thật là tốn công mệt trí. Bởi đó mà có nhiều đoạn văn, thấy từ trường bày tỏ ra bằng những cái từ-y lồng bóng khó hiểu; đọc tới chặng đó chẳng phải khiếu cho một mình người Âu-lây dịch-giả mập mờ không hiểu mà thôi, ngay đến các ông nhà nho bồn-xứ cũng phải bí đường nữa.

Tuy là Cung-oán có ít nhiều chò tối nghĩa và hơi văn có đoạn phù-phiếm đôi chút mặc lòng, nhưng vậy mà nó vẫn là tập văn do ngon bút của một bực thi-si thiên-tài soạn ra, giá-trị văn-chương rất là cao kỳ xuất sắc, cho nên đem dịch ra Pháp-văn, thật là việc đáng làm và chẳng phải vô-lich cho các nhà ham-mộ văn-chương vậy.

Huống chi nó còn một cái đặc-sắc khác nữa, ta nên đề ý, là thể văn ngâm như tập Cung-oán này, cũng là thể văn lục-bát ở những cuốn khác, đều là nghè rieng của các nhà văn nước Nam tự đặt ra, chứ không bắt chước của ai hết. Thiệt vậy, theo sự kiến-văn khảo-cứu của tôi, thì xưa nay không có một thi-gia Trung-quốc nào ngâm-vịnh bằng lối vẫn ấy; và lại xem trong sách Từ-loton (詞綜), là cuốn sách biên-lập đủ các lối văn từ-diệu của nước Tàu xưa nay, cũng không thấy có lối nào giống cả. Thấy những bài về thể từ-diệu, chép trong sách kia, phần nhiều là bài ngắn mà câu đặt cũng ngắn, cho tới ám vận tiết tấu cũng thế, khác hẳn lối ngâm của nước Nam. Coi hai bài từ-diệu của Tàu, thấy trong sách Từ-loton mà tôi cứ ra đây làm ví-du thi biết cách đặt câu và gieo vẫn khác hẳn lối ngâm ra thế nào?

登 楼 范 遙 望 秦 宫 飞 燕
避 茵 只 见 雙 傘 行 流 丘
渭 千 水 一 與 筒 树 去 英
遠 陌 山 舟 萬 碧 人 雄
安 得 上 得 有 中
迎 隅 行 大 內

« Đăng lâu dao vọng Tân cung điện
« Mang mang chí kiến song phi ghen
« Vị-thủy nhứt diều lưu
« Thiên san dữ vạn khäu

« Viễn yến lung bích-thọ
« Mạch thương hành nhơn khứ
« An đắc hữu anh-hùng
« Nghinh quy đại nội trung »

濃 雲 雨 收 鳩 浮
花 莊 喜 融 日 永 光 泮
來 暖 苗 潤 懷 春 秀
暖 潤 映 紅 花 淑
苗 家 歌 舞 盡 歌 詔
是 處 豐 年 醉 酒

« Nùng vẫn vō thâu
« Hoa uyên nội minh cưu
« Hiện lai hỉ kiến nhựt quang phù
« Nôan dung dung vinh chủ
« Mạch miêu nhuận trạch hoài xuân tú
« Lưu hoa thấp ánh hồng hoa lưu
« Điền gia ca-vô tận ca-áu
« Thị xú khánh phong niên túy túu. »

Ta coi đại-khai hai bài ấy đủ biết trong lối từ-diệu của Tàu, có khi hai câu di một vận, có khi cả bài một vận, có chò nào giống lối ngâm đâu.

Ai là tác-giả lập Cung-oán, thì không biết rõ. Phản nhiều tập văn của nước Nam ngày xưa để lại, cũng như Cung-oán, người ta không biết rõ tác-giả là ai. Tuy vậy Cung-oán thấy có đề hiệu trong lối « Ôn-như-hầu », hình như là bực danh-hồ ở vào cuối đời nhà Lê, tức là hồi thế kỷ 16.

Năm nọ, ông Nordemann đem bốn Cung-oán chử nôm, in ra quoc-ngữ, có viết bài tựa nói phỏng-chứng cái lai-lịch của tác-giả như vậy :

... « Có lẽ vị đại-thần này, nguyên là bực danh-hồ tài cao tri rộng, ban đầu được vua trọng dụng, nên mới được phong tước Hầu, nhưng mà cuộc đời chung phủ quý, như giấc mộng mờ màng, chòm mây tan hiệp, về sau vì một việc gì đó, ông bị thất-sủng với vua, không được tin dùng như trước nữa.

« Trở về nhà làm bạn với khóm cúc câu văn, ông bèn soạn ra tập Cung-oán, tâi cái thân-thể một người cung-nữ có sắc có tài mà vô duyên xấu số, tức là ông ký-thác tánh linh, thở than tâm-sự của ông vậy. »

Có người nói thiệt có chuyện người cung-nữ như thế; tôi đã rắn tìm tôi tra cứu cho biết chí

cung-nữ đó là ai, nhưng chẳng tìm ra được cá dấu tích rõ ràng gì về chò ấy cả. Song dầu sao mặc lòng, tôi thiết tưởng mình có thể cho Cung-oán cũng giông như Trường-môn-phù (長門賦) của họ Tư-mã ở đời Hán bên Tàu ngày xưa, vì tập văn ấy cũng do cái cảnh-linh ngộ nghĩnh mà soạn ra. Nguyên là Hán Võ-de đến lúc ghét nàng A-Kiều, bèn day nàng vò ở cung Trường-môn. Nàng cày người nắn nị họ Tư-mã soạn giùm bài phú Trường-môn tỏ nỗi rầu buồn tưởng nhớ của mình, rồi sau nàng được Võ-de thương lại như cũ. Người ta lại nói đến đời Đường, ông thánh thơ là Lý Bạch soạn ra hai bài « Bạch-dầu ngâm 白頭吟 » và « Trường-môn-oán, 長門怨 », thì cũng là nói theo ý từ bài phú Trường-môn của họ Tư-mã thuở trước mà ra. Tuy vậy những điều đó toàn là nói phỏng chừng mà thôi, có lấy gì làm chắc.

Có điều này người ta đoán có lý, tôi có thể tin: người ta cho là Cung-oán lột ý trong mấy bài văn Tàu đã kè trên đây mà soạn ra, vì dem hai đảng so sánh ngâm nghịch mà xem, thấy từ cảnh-tượng, nhơn-vật, cho đến tâm-sự, tánh-linh, có lâm chò tương-tỷ với nhau lắm. Nếu phải là hai đảng có chò giống nhau như vậy di nữa, nhưng sự thật Ông như-hầu soạn ra Cung-oán, cũng không phải là ăn cắp của Tàu hay là dem bài Hán-tự mà dịch ra Nam-âm đâu; ta nên xét rằng Cung-oán viết bằng một lối văn riêng và có cách hô cuộc khác hẳn, bè nào cũng vẫn là một tập văn tàn-kỳ tuyệt diệu lắm vậy v.v....



Ấy là lời tựa của ông G. Cordier viết trên bản dịch Cung-oán ra Pháp-văn; đoạn dưới ông kè tên mấy cuốn sách dùng để tra cứu, tôi muốn lược đi.

Đọc bài ấy rồi, nếu giấu cái tên di, có lẽ độc-giả tưởng là một vị túc-nho bác-học nào của ta viết, chứ hẳn không là của một người Pháp, sao mà hành văn Việt-nam và xem rộng sách vở đến thế? Đọc bài ấy rồi, độc-giả có nói rằng người Pháp không hề để lâm nghiên-cứu văn-chương Việt-nam mình nữa không?

Ta nên biết hạng người Pháp như dịch-giả Cung-oán còn chịu khó tìm tòi trong đồng sách lăng văn của ta đến đâu nữa kia. Chính ông đã dịch-luật nhiều bài văn xưa khác và làm ra mấy cuốn sách bàn về văn-chương Việt-nam, đều có giá-trị, lò ra người học rộng xem nhiều lắm; thử nhứt là ông nghiên-cứu những phong-dao lục-ngữ nước mình, tìm tòi đến gốc, cắt nghĩa đến nơi, khiến

Sự dạy tiếng Pháp ở các lớp tiểu học



Môn chữ Pháp hiện nay là một môn rất quan-hệ trong chương-trình các lớp tiểu-học, từ lớp đồng-Ấu, lớp dự-bị, đã có lớp đọc tập viết chữ Pháp cho đến lớp nhì lớp nhứt, món gì cũng toàn dạy bằng tiếng Pháp cả,

và một đứa trẻ từ lúc bắt đầu đi học cho tới lúc đầu bằng Sơ-học, kè học tiếng Pháp cũng đã nắm sâu năm trời, mà viết một cái thơ bằng tiếng Pháp cũng chưa trôi, hoặc nói một câu tiếng Pháp cũng còn trôi, là tại làm sao? Theo ý tôi, thi thiết-tưởng công-học tập của trẻ con trong mấy năm trời mà kết-quả tầm thường như vậy, ấy là vì cách dạy tiếng Pháp sai lầm.

Tiếng pháp đối với ta là một tiếng ngoại-quốc (*langue étrangère*); mà muốn dạy một tiếng ngoại-quốc nào mau biết thì phải lấy tiếng mẹ đẻ mà giảng giải. Nhưng hiện nay ở các trường tiểu-học thi dạy tiếng Pháp theo cách trực tiếp (*méthode directe*) như cách dạy tiếng Pháp cho trẻ con phái vây. Theo lời các quan thanh-tra biếu, thi các giờ dạy tiếng pháp không được dùng tiếng nam, trừ ra mấy lớp dưới có đổi chữ khó hiểu quá mà thôi.

Ví-du ở các lớp dưới, muốn dạy chữ « lampe » là cái đèn; thi thầy dưa cái đèn trước mắt học-trò rồi hỏi: « Qu'est ce que ceci? » Học-trò biết thi trả lời, nếu không thi thầy nói: « Ceci est une lampe », tay vửa chỉ vào cái đèn. Học-trò dưa khà trong lớp thi hiểu và lập-lai được, còn nhiều đứa chưa hiểu rõ ra cái gì, không biết « lampe » là cái đèn, hoặc cái bầu, hoặc cái họng đèn, trong trí chúng nó hãy còn lờ-mờ, nhưng đến lúc thầy bắt lặp lại thi lại đặt tay chỉ vào đèn mà cũng nói: « Ceci est une lampe » cho rồi chuyện!

Đó là mấy chữ có nghĩa cụ thể (*concret*) sẵn sàng cho nhiều người minh-vản tự-phụ là đa-tai bác-học, thầy mà phải mặc cờ thầm-lận.

Than ôi! vẫn-chương ta ngày xưa lưu-lại có bao nhiêu, và có ích-gi cho người Pháp, thế mà còn có người Pháp chịu học tiếng Nam, chịu khao-văn Nam, có công phu như vậy thay; huống chi học thuật văn-minh phương Tây như rứng như biền, mà ta đang cần-thâu gop lượm-lặt, vậy thi ta hả chẳng-nên cầu-khàn cho ta có nhiều lạy-suru-tầm-dịch-thuật thật giỏi như hạng Crayssac, Cordier của tây kia sao?

đưa ra trước mắt học-trò mà còn mập-mờ đến thế, chờ nói gì đến những chữ có nghĩa trừ-tượng (*abstract*) thi càng khó hiểu-lâm. Như muốn dạy chữ « indulgence » thi thầy phải đặt-it câu thi-du cho học-trò hiểu: « Votre père pardonne souvent vos fautes : il a de l'indulgence ». Trong câu thi-du của thầy đó, chữ « indulgence » là chữ chưa học đã dành, còn chữ « pardonner » chữ « faire » nhiều trò cũng chưa biết, thế biếu hiểu làm sao được, nhưng chúng nó vẫn lặp-lại được, chẳng qua cũng vào lò tai ra lò miệng đó mà thôi. Có lúc thấy nhiều đứa trẻ đọc bài thuộc, đặt câu được mà có hỏi chữ chúng nó vừa đọc là nghĩa gì thi lại nói mập-mờ lâm.

Ở các lớp trên đến giờ tập đọc dở sách ra trang nào đó, thầy đọc trước một lần, lóm-tắt đại ý trong vài câu, rồi thầy bắt học-trò đọc mỗi trò một đoạn, nhưng miệng đọc mà trong trí vẫn nhiều câu chưa nhận nghĩa ra thế nào cũ, hấy chờ lắc thầy giảng. Nhưng khổn-thay! trong nứa giờ thầy phải vừa giảng chữ, giảng ý, giảng mèo, thi thầy làm sao? Thế nào cũng phải chọn ba bốn chữ khó mà thôi, còn thi giờ dè hỏi về ý từ trong bài. Về phần học-trò thi chỉ hiểu sơ-sơ mấy chữ hays có giảng dò mà thôi còn nhiều đoạn không hiểu gì ráo.

Nay ta nên dạy thế nào để cho trẻ con mau hiểu mau biết? Thiết-tưởng ta nên dùng tiếng nam mà giảng mấy món học tiếng Pháp. Như muốn dạy tiếng « lampe » ở trên, thi thầy đưa cái đèn vào lớp rồi hối học-trò rằng ta kêu là cái gì, chắc đứa nào cũng biết là cái đèn. Đoạn, mới hỏi tiếng Pháp thi kêu là gì? (*la lampe*) như vậy thi học-trò hiểu rõ-ràng và chắc chắn mà nhớ được lâu. Có kẻ nói dạy như vậy thi trẻ con không tập nói tiếng Pháp được. Xin trả lời rằng khi học-trò đã nhớ chữ « lampe » là cái đèn rồi thi ta sẽ bắt chúng nó dịch những câu tiếng nam ra tiếng Pháp như: « cha tôi có một cái đèn, cái đèn này giá ba đồng bạc... ». Lúc học-trò đã đặt được những câu như vậy thi chúng nó nói hay làm bài bằng tiếng Pháp dè như chơi.

Đến bài tập đọc tiếng Pháp trước hết phải bắt-dịch ra tiếng nam đã cho học-trò hiểu đến nơi đến chốn rồi sau mới giảng bằng tiếng Pháp, như vậy thi có thể mong học-trò mau tần-ich hơn là theo cách dạy hiện-hay giờ.

Đó là những đều kinh nghiệm trong mấy năm dạy ở các lớp tiểu-học xin thành-thật mà bày tỏ cùng anh em trong giáo-giới dè ai có lòng săn-sóc việc giáo-dục trẻ con ta thi dè ý về vấn-dề quan trọng này. (1)

ĐỒNG-LƯU

(1) Độc-gia nhớ xem luôn bài luận của ông Khâ-Gia ở trang sau.

cánh liên-một phồn-tòn là vì cảnh-lạc vẫn tanh ngắt nhung hơi-dòng, cho nên hè ở đâu mà còn thẳng có hơi-dòng, thi ở đây vẫn chưa thoát-lực. Ông Võ-vân-Ban đã chẳng phải tiên, mà bùa Ông đứng thân-tiền của vào cảnh Bồng-lai, thi cũng là khó. Nhưng tôi chỉ mong sao cho ông chủ B. L. C. sẽ ngã-lại ra một cách thâu-tiền nào cho kín đáo hơn — hay là hãy chờ đến lúc người ta ở trong B. L. C. bước ra rồi sẽ thâu-tiền có được chàng? — ngô cho những người khách khi mới vào chơi khỏi phải sực nhớ rằng mình vẫn dương-còn ở trong cõi-tục...

Mua giày-xong, bước vào máy-bước, thầy-bên-tay-trái có cái buồng-nhỏ, dòm lên cánh-cửa, lại thấy dè máy-chữ « Uri-noir pour Mesdames ». Tức-nữa! Tôi xin phép đổi-máy-chữ này-lại là « Bên-Nhược-Thủy », chẳng-biết có được không, bởi vì chữ « nhược » 蜀 nòi cũng gần gióng với chữ « nchi » 蜀, mà người Tàu họ vẫn kêu chỗ-di-tiều là « tiện-nich-xứ » 便溺處.

Trong bụng mình đương suy-nhĩ và không được vai, thi bỗng thấy người ta lô-nhỏ lúc nhúc đóng-thiết-là-dòng! Đến điện-thắp-sáng-lú-tung, ở giữa-lại có đặt nhurno-ngoan-den-njū-sắc, khiến cho khách du-có cái huyền-tưởng (illusion) như được trông-thấy bao nhiêu tinh-dầu trên trời. Chàng quanh cái-với-awr-phun và có đổi-den-màu-nhấp-nháng, thi thấy những người da-bà-nay, óng-nào-bà-nay, phuông-phai như cái quang-canh « Nghé-thường-vũ-y » ở trên thiên-cung-dé-khagé. Còn ở chung-quanh cái-vòng-tròn mà « chư-tiền » đương-mùa-nhãy, thi ta liệt-không-biết bao nhiêu bàn-ghế, nơi bàn nào cũng thấy có người ta ngồi-dài, vừa nhấp-lý-rượu-và nói nói cười-cười, trông ra vẻ-ung-dung-nhàn-nhạc-lâm... Chẳng là « tiền » thi là gì?

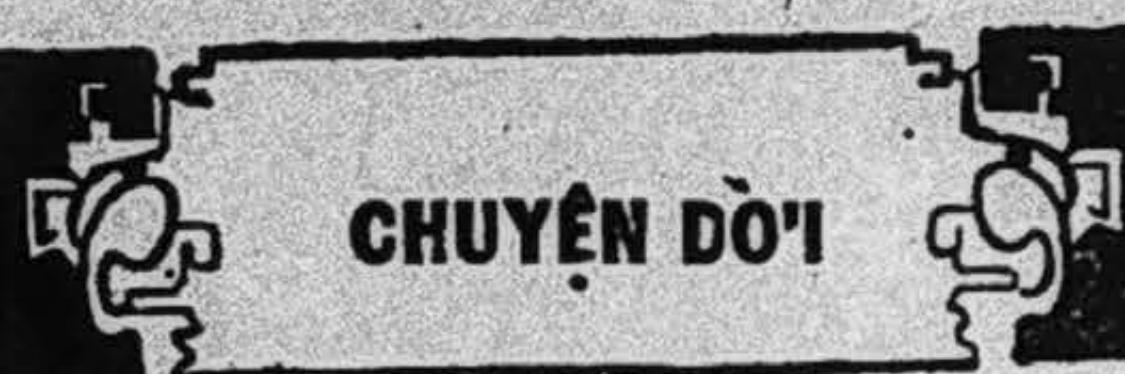
Mấy anh em chúng tôi cũng ngồi uống-rượu, cũng nói nói cười-cười, cũng coi người ta múa-nhãy; đến-khi trong bụng-bất-dầu có cái-cảm-giác-hơi-vui-vui và giàn-quen-lững di được bón-bản-công-chuyện-ở-dưới-trần-tục, thi một ông bạn-móc-dòng-hồ trong-tui ra cho-hay rằng đã-gần-hai-giờ-sáng; kể-dò một ông bạn-nữa với vả-kêu-bồi-biểu-tinh-tiền-rượu: « nghe-nhắc-den-chủ « tiền » và thấy đưa cái « phál-tugay » ra-lại-làm cho tôi giật-mình mà quên-hết cái-canh-tien-khi-nay! »

Rồi dò-thang-máy-chay-vut-một-cái thi chúng tôi đã-trở-xuống-dưới-lê-dường Filippini. Vừa-di-vừa-nghỉ, thi không-thể-khen-cho-cái-trí-sáng-kien-của-ông-Võ-vân-Ban: nhưng-dầu-khéo-sáng-kien-thì-não-là-cánh-Bồng-lai-của-ông-cũng-vẫn-còn-có-nhiều-chỗ-chưa-giống-với-cánh-Bồng-lai-ở-trong-sách. Tuy-vậy-nhưng-còn-có-một-dèa-làm-cho-tôi-phải-say-nghỉ, là-bồi-sao-mà-số-người-thích-choi-B. L. C. của-ông-Võ-vân-Ban-cù-mỗi-ngày-một-nhiều.

Có-lẽ-là-vì-cái-canh-Bồng-lai-già-cũng-có-phuong-thuoc-truong-sanh-bát-lǚ-dè-cứu-người-như-cánh-Bồng-lai-thiếc. Ở-giữa-buồng-kinh-lố-khô-khan-nay, có-thieu-chi-người-vi-buồn-thua-bán-lò; hoặc-vì-mất-sợ-màn-mà-muốn-chết-di-cho-ranh. Những người-thết-vong-ây, đến-khi-lên-B. L. C. và-trông-thấy-có-nhiều-cái-đang-lé-phai-tự-vận-từ-bao-nhà-kia, thi-mà-big-giờ-họ-cũng-còn-đang-ôm-nhau-nhâng-màu-rất-hãng, thi-tôi-tưởng-cũng-có-thể-khiến-cho-ai-nay-dòi-bùn-ra-vui, dòi-sự-thết-vong-ra-hy-vong-mà-cố-guong-sóng-thêm-nữa-dể-coi-dời, chờ-chảng-tội-gi-mà-chết-di-dầu-cho-uồng.

L. B.

Đinh-ninh-nhân-bạn-xa-gần,
Chờ- quên đọc số Báo-Xuân-năm-nay!...



CHUYỆN DỜI

Bài ký-di chơi Bóng-lai-cánh

Xin nói mau cho độc-giả biết rằng cảnh Bồng-lai mà tôi di chơi đây là cảnh Bồng-lai ở chính giữa châu-hành Saigon, là cảnh Bồng-lai nhơn-tạo của ông Võ-vân-Ban, chū-nhơn của Phong-cánh-khách-lau.

Tôi vốn là một người có óc-lãng-mạn, mà bắng-lâu-thần-tiếc chưa có dịp được di-chơi-những-nơi-phòn-hoa-dò-thị-lớn-như-ông-Vân-Trinh-đi-Hoành-lân, Thượng-hãi; lại cũng không được cái-may-mắn-nâm-thấy-chiem-bao-bay-lên-trên-trời-như-ông-Tân-Đi, nên chí-nay nghe nói ở bên-mình-sẵn-có-cánh-tiền — dầu là cảnh-tiền-giá-di-nữa, — cũng muôn-một-phen-chia-hao-tổn-lít-các-dè-làm-cho-thoá-thích-cái-óc-lãng-mạn-của-minh.

Vâ-lại, khuô-nhỏ-cũng-có-học-lớp-lép-chứng-một-vài-là-mít-chữ-nho, cũng-dâng-tingh nghe-các-ép-glâng-rằng: «... Bồng-lai 萬葉, Phương-trường 方丈 và Dinh-châu 殿洲 vốn là ba hòn-núi-thần (神山), nồi-lên-trong-biển-Bắc (渤海). Ở ba nùi-ấy thường có chư-tiền-hội-dến-chơi-luôn và có-nhiều-thú-thuốc-trường-sanh-bát-lǚ; bao-nhiều-những-cảm-thú-ở-dó-đều-tinh-một-màu-trắng, còn-nhiều-lầu-dài-cun-khuynh-thì-đều-làm-bằng-bạch-ngân-và-hoàng-kim-hết-thay...»

Áy, cái-canh-Bồng-lai-thiếc-theo-như-trong-sách-Tàu-thì-nó-có-những-về-phí-pham-den-như-vậy: nhưng-tiếc-thay-cho-minh-chỉ-nghen-nói-thôi, chờ-không-sao-thấy-dược. Thi-nay-có-người-dâ-có-dược-cái-óc-la, đem-cánh-Bồng-lai-mà-bày-ra-ở-bên-cạnh-minh, dầu-cho-có-biélt là giâ-canh, nhưng-tôi-tưởng-cũng-khiến-cho-ta-khô-nỗi-cảm-lòng-mà-không-muốn-dời-chọn-lên-đó-cho-biélt-vây.

Song-le, đương-lúc Bồng-lai-cánh-mới-bày-ra-và-các-báo-hàng-nhau-dua-nhau-tờ-này-còn-j-kích, tờ-kia-binh-vực, thi-tôi-phai-dâng-lòng-mà-không-léo-chon-lại-và-cũng-chang-muôn-nói-chay-en-tới-B. L. C., vì-sợ-không-khoi-mang-cái-tiếng-lan-quang-cao-cho-ông-Võ-vân-Ban. Kip-dến-bây-giờ-day, cái-cơ-sở-của-B. L. C. coi-bộ-dâng-vut-rồi, dầu-cho-ai-có-ché-bai-tưởng-cũng-chang-thiet-hai-gi-dến-nó, mà-dầu-cho-ai-có-khen-ngợi-tưởng-cũng-chang-bì-nghì-là-lâm-quang-cao-giám. Bởi-vậy-nên-hôm-nay-tôi-mới-có-mấy-hàng-vần-tắt-này-dể-thuật-chuyen-di-choi-B. L. C.

Số-là-hôm-dêm-trir-lich-của-năm-1932, mây-ông-bạn-nữa-cùng-tôi, sau-khi-dâng-bà-và-danh-chén-hơi-nhâng-nhâng, hảo-hứng-đương-nồng, bèn-rủ-nhau-lên-choi-cánh-Bồng-lai-Saigon-cho-biélt.

Khi-mới-dến-nơi, chúng-tôi-bóp-chuồng-thang-máy-một-cái, thi-thang-ở-trên-tuột-xuống, người-coi-thang-mở-cửa-ra, chúng-tôi-bước-vào, cửa-thang-dòng-lại, rồi-vùn-vut-chay-lên-một-lượt-dến-ba-bốn-tầng-lầu-cao, khiến-cho-chúng-tôi-hai-có-cái-cảm-tưởng « vù-vù-không-cánh-mà-như-bay... ». Nhưng-khi-lên-dến-tiêng-lầu-thứ-tứ, tức-chỗ-cửa-di-vào-B. L. C., thi-dâ-thay-có-một-người « két-xé »-ngồi-sân-ở-đây. Một-ông-bạn-của-tôi-mới-bóp-phoi-lồng-liên-dể-mua-giấy-và-cửa: mồi-cái-giấy-0\$50. Theo-như-trong-cuốn « Giác-Mộng-con-thú-II », của-ông-Nguyễn-khắc-Hiếu thi-ở-trên-trời-vân-có-một-cái-chợ, mà-sự-buôn-bán-ở-chợ-Trời-vẫn-khỏi-phải-dâng-dến-tiêng-bạc. Mâ-theo-ý-tôi, thi-cáuh-lục-sô-di-khác-với

NHỮNG CHỖ SAI LÂM TRONG BÀI « VIỆC DẠY ĐỒ TRÉ CON VIỆT NAM » CỦA ÔNG TỊNH XUÂN

Phụ-nữ Tân-văn số 179 ra ngày 1-12-32, ông Tịnh-Xuân có viết một bài chỉ trích những điều mà ông gọi là những nguyên nhân làm cho ngưng trệ sự học ở mấy lớp sơ-dâng hiện giờ. Cứ như ông, thì những nguyên nhân ấy là :

1. *Chương trình ở mấy lớp ấy không liên tục nhau.*
2. *Day văn đọc nguyên chữ.*
3. *Không dùng sách Lectures franco-annamites của ông Roseq là sách đọc « rất hay ».*
4. *Nhiều giờ day và « dán » (1).*

Rồi ông thảo ra một cái chương trình của ông. Làm vậy đúng phép lâm, vì hè thấy tệ thì phải chỉ phương trù tệ. Song có điều tôi không biết ông đưa vào cái gì mà thảo ra đó. Trong các điều ông bảo day theo, tôi xin trích ra điều rất ngô nghênh này : *Họ: làm toán bằng tiếng langsa, cùu-chương langsa ở lớp Đồng-Ấu!*

Cái khoa day đồ con nít là cái khoa phải học công phu nhiều và phải thi nghiệm nhiều lần mới có thể rành được. Cần phải có học vấn-de triết-lý (culture philosophique) mà nhất là phải rành về tâm-lý trẻ con (psychologie de l'enfant). Cho nên người học cao chừng nào thì có thể được thâm hiểu cái khoa day ấy chừng này. Nhưng cách thức day con trẻ ở nhà trường, hỏi đi, hỏi lại, dòm, ngó, nghe, nói, đọc, viết, văn vần, là những cái thiệt-hành tâm lý con trẻ vậy. Người ngoài diệu, người ngoài đường (l'homme de la rue) không thấu rõ cái huyền vi, cho là việc làm lếu, không trách được.

Cách day ở trường sơ-bảy giờ đã cải-lượng nhiều, không phải day cách biến nháy và hủ-lâu như xưa nữa. Phương pháp day thì do theo luật tự-nhiên mà mờ dầu óc của con trẻ ra : khởi ở chỗ để ra chỗ khó, chỗ thấy ra chỗ không thấy, chỗ đơn ra chỗ kép. Cách thế phải làm sao cho đứa nhỏ vui mà ham học, nghĩa là phải hiểu hết. Đứa nhỏ không phải một cái hủ để cho ông thầy ngồi trên

(1) Nói công-nghệ mới dùng hơn vì món ấy là Travail manuel.

bàn cao rót chữ vào. Ông thầy trong lớp là kẻ điều dắt học trò, các bài vở học trò và ông thầy chung sức nhau kiểm ra. Lớp học như vậy gọi là lớp học hoạt động (classe active). Học trò không bao giờ buồn ngủ mà thôi chỉ được. Nếu như cái trí mạnh nhớ (mémoire) rất cần ích cho sự học, bây giờ ở trường người ta không chỉ dùng một mình cái trí đó không mà thôi vì người ta sợ nản đúc ra két nhiều (psittacisme) ! Học nói két với học hiểu, thi chúng ta biết liền lợi ích ở đâu.

Về điều chỉ trích của ông T. X. về khoản day địa-dư ở lớp Dự-bị, tôi cũng muốn cho ông nói có lý. Nhưng ở khoản ấy tôi sợ ông T. X. hiểu lầm, cũng như nhiều giáo viên, người trong nghề, hiểu lầm vậy. Phải, thay vì học những « Cù lao, doi, vịnh, núi, hồ », đứa nhỏ phải học chỉ những « nước Pháp, bắc giáp với biển Manche, nam giáp với núi Pyrénées và biển Méditerranée » và « Úc-châu, Nam-phi-châu, Mỹ-châu, Âu-châu, Á-châu », nói qua nghe cũng hữu lý lắm ! Song nếu thử xét cái ý nghĩa của chương trình địa-dư lớp Dự-bị và nói rõ cách thế phải day làm sao cho mấy đứa nhỏ khỏi « lặp đi lặp lại như két mẹ » như ông T. X. nói đó, để nghe coi có lý chát nào không ? Sự dạy địa-dư bắt đầu ở lớp nào có hai điều bồ ích : bồ ích về hiệt-tế (utilité pratique) để cho đứa nhỏ biết, và bồ ích về tri-đức (éducation intellectuelle) để mở những khiếu quan-sát (observation), tưởng-tượng (imagination), lời luận (raisonnement) và mạnh nhớ (mémoire) của con trẻ.

Ở lớp Đồng-Ấu đã có day những cù-laо, doi, vịnh, núi, sông, ngòi, rạch, v. v. rồi, bước qua lớp Dự-bị, khởi đầu, nếu ông thầy biết day thi phải ôn lại những cái đã thấy ở lớp dưới. Rồi mới bắt qua chương trình lớp mình được. Day địa-dư không phải viết một bài toàn yếu lèn bǎn, rồi chỉ lấy thước lèn bǎn cất nghĩa qua loa, nghĩa là làm một bài tập đọc/có giảng giải (lecture expliquée) được. Phải vẽ bản đồ lèn bǎn, phải có hình (người, nhà, kinh-dō, núi, sông, v. v.), những cái kêu là khi cũ để day bài (matériel de la leçon).

— Nếu phải dắt dẫn học trò ra sân hay là đến sông lạch gần do được thi thầy phải làm ngay. Tom tắt phải làm thế nào cho cả học-trò đều vui ngó mà hiểu hết bài-day của mình vậy. Ở lớp Dự-bị với học-trò còn nhỏ, chương-trình rao day mấy xú xa lạ chẳng qua là người thảo chương-trình muốn chúng nó biết những xú có trên địa-cầu này. Biết là biết sơ qua, như nước Pháp từ can là những gì, kinh-dō tên gì, dù rồi. Về địa-dồ nước Pháp trên bản, chỉ nước Pháp trên trái đất (globe terrestre), đưa hình có người Langsa dòn ống, dòn-bà, con-nit, hỏi học-trò biết ai là người Pháp, đưa hình có phố phượng ở Paris cho học-trò coi, v.v. Hồi học-trò, bảo nó kiểm trong hình để trả lời, day như cách trên đây, dùu cái chương-trình không được như ý, ông thầy cũng có thể dạy co bồ ích cho con nít được !

Bây giờ chúng ta xét qua coi trường sơ-dâng có mục-dich gì và luôn dịp sẽ nói đến chỗ lợi-hại của chương-trình trường ấy, tam-vậy để cho người ta, mà nhứt là ông T. X. không thể nói tôi có bình vực cái chương-trình ấy một cách tùy ý được.

Trường sơ-dâng có cái mục-dich mở các khiếu thông-minh của đứa nhỏ, nghĩa là ở trường sơ con nít học để mà học (les enfants apprennent à apprendre). Dẫu sau đứa nhỏ không được học đến cùng thì ra ở đời, nếu nó có chí và có ngày giờ thì nó tự học lấy cũng được. Trường học ở xú ta còn kèm thêm một cái mục-dich nữa. Nhưng tôi không nói đến, vì mình đã chịu di học chữ Pháp, mình cầu học Pháp thi không chạy chối đầu khỏi mà hỏng nói đến.

Chương-trình ở trường sơ-dâng của nhà-nước ra sao ? Chương-trình p-án ra hai dâng : một bên để nhứt dâng sơ-học (1er cycle primaire) từ lớp Đồng-Ấu tới sơ-dâng, một bên để nhì dâng sơ-học (2e cycle primaire) từ lớp trung-dâng để nhứt niêm tới lớp cao-dâng. Bên dê nhứt dâng sơ-học thi học rộng quốc-văn chỉ xem chút ít Pháp-văn ở lớp sơ-dâng. Bên dê nhì dâng sơ-học thi học rộng Pháp-văn chỉ xem chút ít quốc-văn.

Cái chương-trình như ấy là mới cái sáu lt năm nay đây. Hồi trước chỉ học chút ít quốc-văn, còn thi Pháp-văn thôi. Kết-quả không được tốt vì khi con nít ra trường rồi là phần đông hơn hết chữ Pháp dùng không được là lẽ cố-nhiên, để chữ ta lại u o mới là hai cho chờ ! Thế thi mấy năm học ở nhà trường với cái chương-trình như vậy là mấy năm rất vô ích.

Bởi vậy trong nước lục đà có một cái dư-luận về sự cải-cách chương-trình ở trường sơ. Rồi

trước ông Phạm-Quỳnh, sau ông Nguyễn-phan-Lang có think cầu về việc cải-cách ấy. Cho nên cái chương-trình mới sáu dồi ra ngày hôm nay đó vậy.

Đay quốc-văn không phải là hai. Người ta cứ tin chắc rằng các môn quốc-văn day ở nhà trường là các môn con nít đều biết hết. Như thế là lầm lẩn ! Ngũ quan (1) của đứa nhỏ cần phải luyện tập đúng phép mới trở ra tinh xảo được mà tri thông-minh của nó cũng nuong theo mà tỏ rõ ra. Những môn day bằng quốc-văn ở nhà trường đều có cái tánh cách dẽ mở các khiếu thông-minh của đứa nhỏ ra cũng như các môn day bằng Pháp-văn bên nhì-dâng sơ-học. Thế thì dạy quốc-văn không phải là eo hai. Người ta thường quên rằng hề muốn học một thứ tiếng nào cho mau hay thi trước hết phải rành tiếng mẹ đẻ của mình dã.

Phải ! Người ta hay trách cái chương-trình bày giờ làm mất ngày giờ học Pháp-văn. Học Pháp-văn dẽ vào trường Cao-dâng sơ-học, Trung-dâng-học hay là Cao-dâng-học, dẽ sau làm quan, mà dẫu không được thi ra xin việc nhà-nước hay là xin sở tư làm việc cũng nuôi sống được. Nhưng vậy cái học Pháp-văn của người ta muốn đây là cái lối dọc sách xuôi rồi và nhớ thuộc lòng nhiều. Lối dò trong khoa Sx-phạm kêu là nói két (psittacisme). Lối dò không ích lợi vào đâu hết. Cái sức học và hồn của một đứa con nít có chừng mức, có giới hạn, không có thể rán ép được (gaver). Mà co rán ép ra thì chỉ có hại cho đứa nhỏ, cho tinh-thay của đứa nhỏ không mà thôi. Sự dạy hay không ở chỗ rán ép mà chỉ ở chỗ lặp đi lặp lại (repetition). Lại người ta không trọng ở chỗ dạy nhiều (quantité) mà ở chỗ dạy hay (qualité) dò. Hai điều này rất là cần yếu trong khoa dạy học ngay nay, chúng ta không nên quên.

Cái hại về sự dạy quốc-văn có là ở cái bằng tiều-học. Bằng tiều-học có môn thi Pháp-văn tùy ý (épreuves facultatives) nếu rót hai lần thi đứa nhỏ phải bị sa thải. Thế thi cái bằng tiều-học là cái trả ngai bước đường học văn của con trẻ đó ! Vì nó mà mỗi năm có biết bao nhiêu con nít chưa chắc là ngu muội, chưa chắc là không có sức học, phải ôm sách trở về nhà !

Đó là những chỗ lợi hại của chương-trình mấy lớp tiều-học (classes élémentaires). Những môn định day trẻ em vì có tánh cách mở-trí của đứa

(1) Cứ như xưa nay tại có ngũ quan. Thiết ra còn làm cái quan nữa.

NHỮNG CHỖ SAI LÂM TRONG BÀI « VIỆC DẠY DỒ TRẺ CON VIỆT NAM » CỦA ÔNG TỊNH XUÂN

Phụ-nữ Tân-văn số 179 ra ngày 1-12-32, ông Tịnh Xuân có viết một bài chỉ trích những điều mà ông gọi là những nguyên nhân làm cho ngưng trệ sự học ở mấy lớp sơ-dâng hiện giờ. Cứ như ông, thì những nguyên nhân ấy là :

1. *Chương trình ở mấy lớp ấy không liên tục nhau.*
2. *Day văn đọc nguyên chữ.*
3. *Không dùng sách Lectures franco-annamites của ông Roseq là sách đọc « rất hay ».*
4. *Nhiều giờ dạy vè và « dán » (1).*

Rồi ông thảo ra một cái chương trình của ông. Làm vậy đúng phép lâm, vì hè thấy tệ thì phải chỉ phương trừ tệ. Song có đều tôi không biết ông đưa vào cái gì mà thảo ra đó. Trong các điều ông bảo dạy theo, tôi xin trích ra điều rất ngô nghênh này : *Họ: làm toàn bằng tiếng langsa, cùi-chương langsa ở lớp Đồng-áu !*

Cái khoa dạy dỗ con nít là cái khoa phải học công phu nhiều và phải thi nghiệm nhiều lần mới có thể rành được. Cần phải có học vấn-de triết-lý (culture philosophique) mà nhứt là phải rành về tâm-lý trẻ con (psychologie de l'enfant). Cho nên người học cao chừng nào thì có thể được thâm hiểu cái khoa dạy ấy chừng nấy. Nhưng cách thức dạy con trai ở nhà trường, hỏi đi, hỏi lại, đóm, ngó, nghe, nói, đọc, viết, vân vân, là những cái thiệt-hành tâm lý con trai vậy. Người ngoài diệu, người ngoài đường (l'homme de la rue) không thấu rõ cái huyền vi, cho là việc làm lếu, không trách được.

Cách dạy ở trường sơ-bảy giờ đã cải-lượng nhiều, không phải dạy cách biến nhác và hủ lâu như xưa nữa. Phương pháp dạy thì do theo luật tự-nhiên mà mở đầu óc của con trai ra : khởi ở chỗ để ra chỗ khở, chỗ thấy ra chỗ không thấy, chỗ đơn ra chỗ kép. Cách thế phải làm sao cho đứa nhỏ vui mà ham học, nghĩa là phải hiểu hết. Đứa nhỏ không phải một cái hủ để cho ông thầy ngồi trên

(1) Nói công-nghệ mới đúng hơn vì môn ấy là Travail manuel.

bàn cao rót chữ vào. Ông thầy trong lớp là kẻ điều dắt học trò, các bài vở học trò và ông thầy chung sức nhau kiểm ra. Lớp học như vậy gọi là lớp học hoạt động (classe active). Học trò không bao giờ buồn ngủ mà thôi chỉ được. Nếu như cái trí mạnh nhớ (mémoire) rất cần ích cho sự học, bây giờ ở trường người ta không chỉ dùng một mình cái trí đó không mà thôi vì người ta sợ nản đúc ra két nhiều (psittacisme) ! Học nỗi két với học hiểu, thì chúng ta biết liền lợi ích ở đâu.

Về điều chỉ trích của ông T. X. về khoản dạy địa-dư ở lớp Dự-bị, tôi cũng muốn cho ông nói có lý. Nhưng ở khoản ấy tôi sợ ông T. X. hiểu lầm, cũng như nhiều giáo-viên, người trong nghề, hiểu lầm vậy. Phải, thay vì học những « Cù lao, doi, vịnh, núi, hồ », đứa nhỏ phải học chỉ những « nước Pháp, bắc giáp với biển Manche, nam giáp với núi Pyrénées và biển Méditerranée » và « Úc-châu, Nam-phi-châu, Mỹ-châu, Âu-châu, Á-châu », nói qua nghe cũng hữu lý lắm ! Song nếu thử xét cái ý nghĩa của chương trình địa-dư lớp Dự-bị và nói rõ cách thế phải dạy làm sao cho mấy đứa nhỏ khỏi « lặp đi lặp lại như két mẹ » như ông T. X. nói đó, để nghe coi có lý chút nào không ? Sự dạy địa-dư bắt đầu ở lớp nào có hai điều bồ ích : bồ ích về thiệt tế (utilité pratique) để cho đứa nhỏ biết, và bồ ích về tri-đức (éducation intellectuelle) để mở những cái khêu quan-sát (observation), tưởng-lượng (imagination), lời luận (raisonnement) và mạnh nhớ (mémoire) của con trai,

Ở lớp Đồng-áu đã có dạy những cù-lao, doi, vịnh, núi, sông, ngòi, rạch, v. v. rồi, bước qua lớp Dự-bị, khởi đầu, nếu ông thầy biết dạy thì phải ôn lại những cái đã thấy ở lớp dưới. Rồi mới bắt qua chương trình lớp mình được. Dạy địa-dư không phải viết một bài toát yếu lên bản, rồi chỉ lấy thước lèn bản cất nghĩa qua loa, nghĩa là làm một bài tập đọc có giảng giải (lecture expliquée) được. Phải vẽ bản đồ lên bản, phải có hình (người, nhà, kinh-dò, núi, sông, v. v.), những cái kêu là khi cũ để dạy bài (matériel de la leçon).

— Nếu phải dắt dẫn học trò ra sân hay là đến sông lạch gần đó được thì thầy phải làm ngay. Tom tắt, phải làm thế nào cho cả học-trò đều vui ngó mà hiểu hết bài dạy của mình vậy. Ở lớp Dự-bị với học-trò còn nhỏ, chương-trình bảo dạy mấy xú xa là chẳng qua là người thao chương-trình muốn chúng nó biết những xú co trên địa-cầu này. Biết là biết sơ qua, như nước Pháp từ cùn là những gì, kinh-dò tên gì, dù rồi. Về địa-dò nước Pháp trên bản, chỉ nước Pháp trên trái đất (globe terrestre), đứa hình có người Langsa dồn ông, dồn-ba, con-nit, hỏi học-trò biết ai là người Pháp, đứa hình có phố phương ở Paris cho học-trò coi, v.v. Hồi học-trò, bảo nó kiểm trong hình để trả lời, dạy như cách trên đây, dầu cái chương-trình không được như ý, ông thầy cũng có thể dạy có bồ ích cho con nít được !

Bây giờ chúng ta xét qua coi trường sơ-dâng có mục-dịch gì và luôn dịp se nói đến chỗ lợi-hại của chương-trình trường úy, làm vậy để cho người ta, mà nhứt là ông T. X. không thể nói tôi cố bình vực cái chương-trình ấy một cách tùy vị được.

Trường sơ-dâng có cái mục-dịch mở các khêu thông-minh của đứa nhỏ, nghĩa là ở trường sơ con nít học để mà học (les enfants apprennent à apprendre). Dầu sau đứa nhỏ không được học đến cùng thì ra ở đời, nếu nó có chí và có ngày giờ thì nó tư hoc lấy cũng được. Trường học ở xú ta còn kèm thêm một cái mục-dịch nữa. Nhưng tôi không nói đến, vì mình đã chịu di học chữ Pháp, mình cần học Pháp thì không chạy chối đâu khỏi mà hỏng nói đến.

Chương-trình ở trường sơ-dâng của nhà-nước ra sao ? Chương-trình phân ra hai dâng : một bên để nhứt dâng sơ-học (1er cycle primaire) từ lớp Đồng-áu tới sơ-dâng, một bên để nhì dâng sơ-học (2e cycle primaire) từ lớp trung-dâng dê nhứt niên tới lớp cao-dâng. Bên để nhứt dâng sơ-học thi học rộng quốc-văn chỉ xem chút ít Pháp-văn ở lớp sơ-dâng. Bên để nhì dâng sơ-học thi học rộng Pháp-văn chỉ xem chút ít quốc-văn.

Cái chương-trình như ấy là mới cái sửa ít năm nay đây. Hồi trước chỉ học chút ít quốc-văn, còn thi Pháp-văn thôi. Kết-quả không được tôi vì khi con nít ra trường rồi là phần đông hơn hết chữ Pháp dùng không được là bô-nhiều, đến chừ ta lại u o mới là hại cho chor ! Thế thì mấy năm học ở nhà trường với cái chương-trình như vậy là mấy năm rất vô ích.

Bởi vậy trong nước lúc đó có một cái dư-luận về sự cải-cách chương-trình ở trường sơ. Rồi

trước ông Phạm-Quỳnh, sau ông Nguyễn-phan-Lồng có think cầu về việc cải-cách ấy. Cho nên cải chương-trình mới sửa đổi ra ngày hôm nay đó vậy.

Đay quốc-văn không phải là hai. Người ta cứ tin chắc rằng các môn quốc-văn dạy ở nhà trường là các môn con nít đều biết hết. Như thế là làm lầm ! Ngũ quan (1) của đứa nhỏ cần phải luyện tập đúng phép mới trả ra tinh xảo được mà thông-minh của nó cũng nương theo mà tò ro ra. Những môn dạy bằng quốc-văn ở nhà trường đều có cái tinh cách để mở các khêu thông-minh của đứa nhỏ ra cũng như các môn dạy bằng Pháp-văn bên nhì-dâng sơ-học. Thế thì dạy quốc-văn không phải là co hai. Người ta thường quên rằng hè muốn học một thứ tiếng nào cho mau hay thì trước hết phải rèn tiếng mẹ đẻ của mình đã.

Phai ! Người ta hay trách cái chương-trình bày giờ làm mất ngày giờ học Pháp-văn. Học Pháp-văn dê vào trường Cao-dâng sơ-học, Trung-dâng-học hay là Cao-dâng-học, dê sau làm quan, mà dầu không được thì ra xin việc nhà-nước hay là xin sở tư-tu làm việc cũng nuôi sống được. Nhưng vậy cái học Pháp-văn của người ta muốn đây là cái lợi dọc sách xuôi rót và nhờ thuộc lòng nhiều. Lối đó không ích lợi vào đâu hết. Cái súc học và hưu của một đứa con nít có chừng mức, eo giờ han, không có thể ráu ép được (gaver). Mà eo ráu ép ra thì chỉ co hai cho đứa nhỏ, cho tinh-thần của đứa nhỏ không mà thôi. Sự dạy hay không ở chỗ ráu ép mà chỉ ở chỗ lặp đi lặp lại (répétition). Lại người ta không trọng ở chỗ dạy nhiều (quantité) mà ở chỗ dạy hay (qualité) đó. *Hai điều này rất là cần yếu trong khoa dạy học ngày nay, chúng ta không nên quên.*

Cái hại về sự dạy quốc-văn eo là ở cái bằng tiều-học. Bằng tiều-học có môn thi Pháp-văn tùy ý (épreuves facultatives) nếu rời hai lần thi đứa nhỏ phải bị sa thải. Thế thì cái bằng tiều-học là cái trở ngại bước đường học văn của con trai đó ! Vì nó mà mỗi năm có biết bao nhiêu con nít chưa chắc là ngu muội, chưa chắc là không có súc học, phải ôm sách tro về nhà !

Đó là những chỗ lợi hại của chương-trình mấy lớp tiều-học (classes élémentaires). Những môn định dạy trẻ em vì có tinh cách mò-trí của đứa

(1) Cứ như xưa nay ta có ngũ quan. Thiết ra còn làm cái quan nữa.

nhỏ nên không phải là vô bờ? Ông Tịnh-Xuân trách rằng chương-trình không liên tục nhau. Liền tuc nghĩa là gì? Chắc là có môn có loại, môn dạy ở môn, loại nào thì phải dù môn này. Cái đó in như đề cho trường Cao-dâng học, hay là Cao-dâng sơ-học thì phải hơn! Nói thế không phải là các môn dạy bá dâu dạy dó. Cũng sắp ra có môn có loại, có thứ tự theo phép tắt Su-pham chờ! Có điều không dày dô thời. Mà dày dô làm sao được ở trường sơ-dâng? Bên đệ nhị dâng (2^e cycle) cũng vậy, các môn cần yếu ra ở đời dạy ra cũng bỗn ban, mà lại cũng phân biệt ra có môn có loại hết.

Cách dạy văn đọc nguyên chữ hay là méthode globale không đáng tội lanh mẩy lời trách cứ của ông Tịnh-Xuân. Trái lại, cách dạy ấy đáng khen và đáng mừng cho em trẻ làm chờ. Sự lợi ích của cách dạy ấy là những gì? Đây tôi xin nhường lời lai cho ông bạn của tôi là Nguyễn-văn-Phác là người đã kiểm ra một cách dạy rập nguyên tiếng, hay dò thế nào, xin mời bà con xem thử:

Những chỗ bay của cách dạy đọc nguyên tiếng

1° Khi trẻ con mới biết nói có khi nào mẹ nó dạy nó nói chữ a, chữ i, chữ y, chữ g, đâu. Hè dạy thi chì này cái tó, cái ly, naye cha, naye má, v. v... Trẻ con đã biết nhiều tiếng hữu hình rồi, bây giờ ta lấy những tiếng ấy dạy lại, nhưng dạy dỗ hơn: tập nói, tập viết, tập vẽ, tập suy-xét và biện-luận. Bởi vậy, nên theo cách này là phương-pháp tự-nhiên (processus naturel) thi chúng ta đạt được cái mục-dịch yêu-trọng của trường tiểu học: Mở tri cho trẻ em.

Ở các trường bên Âu, bên Mỹ, người ta lo mở tri học sanh cho đến dỗi muốn dạy học tối ngày ngoài đường, ngoài đồng, trong rừng, có khi ngoài biển (đi tàu từ xứ này tới xứ kia). — Trẻ con lúc còn nhỏ thi cha mẹ nó mở tri chúng nó bằng cách du-ngoan; đi tới chỗ nào, gặp cái chi lạ thi bên hỏi nó, tập nó quan-sát.

2° Dạy theo kiểu này vui lắm, học trò thấy món đồ, rờ, ngửi, nếm, nghe, v. v... Học mà được vui như vậy trẻ em ham học lắm. Giáo-chức thử dạy theo cách này rồi sẽ thấy học trò biết nói nhiều chuyện bất ngờ chúng nó đặng khôn lanh vây.

3° Hết ham học thi tự nhiên nhớ nguyên chữ, hể thấy hình cái tó thi biết đọc chữ tó, (1) biết viết chữ tó trẻ em hiểu sự hữu ích của chữ viết để

(1) Đây là dựa vào một cái luật & tam lý học kêu là « loi de l'association des idées » dịch là thấy cái này suy ra cái kia. (Lời gạnh của Khả-Gia)

thể cho tiếng nói trong sách. Nếu mới vào trường óc còn non, trẻ con còn khờ dại mà bắt phải học tối ngày những chữ h, chữ r, chữ p, q, thi chúng nó buồn quá...

4° Chứng học trò biết đọc iỏi thi chúng nó đọc dặng suôn sē, không ngập-ngừng, không rặng từ tiếng, không cà-lâm, không kéo dài mà lại còn đọc dặng sủa và tưng gióng nữa.

5° Tiếng Annam là tiếng một (monosyllabique) khác hơn tiếng Pháp, nên dùng cách dạy này mà dạy chữ quốc-ngữ thi tiện lâm. Chữ Hán-tự là khó mà ta học còn dặng thay, huống chi là chữ quốc-ngữ.

NGUYỄN-VĂN-PHÁC

(Rút ở Su-pham-Học-khoa số 2 — Octobre 1932)

Mà phải dạy cách thế nào? Dưới đây cũng là lời của ông Nguyễn-văn-Phác.

VÀI LỜI CHỈ DÀN

(Quelques conseils généraux)

Mở tri trẻ em! Bàn phan chúng ta là hằng ngày phải tìm kiếm những phương-pháp nào hay đê mở tri cho trẻ em. Lúc mới vào trường, trẻ nhỏ còn khờ, óc còn non, mà gấp phải thầy không biết mở tri cho chúng nó, chỉ dùng những phương-pháp cũ kỹ áp bức học trò, món nào cũng bắt học thuộc lòng không kịp suy nghĩ, không kịp hiểu rõ, thi sau này trẻ em càng ngày càng khờ dại thêm nữa. Các món dạy ở lớp đồng-Ấu mà thầy ép buộc học trò phải mệt trí hơn hết là món tập đọc.

Vậy chúng tôi xin hiến cho giáo-chức một phương-pháp đọc mới-mẻ, đê mở tri học trò hơn những phương-pháp dùng xưa nay, là cách dạy đọc nguyên tiếng (méthode globale).

I.—Đồ cẩn dùng để dạy theo méthode globale

1° Món đồ thiệt. — 2° Giấy cứng trắng (carton blanc). — 3° Hình vẽ của món đồ ấy trong giấy cứng. — 4° Chữ viết.

1° Năm nay chúng tôi lựa bài dạy theo chương-trình trong manuel de leçons de choses, đê cho giáo-chức dễ kiểm đồ dùng dạy.

2° Giấy cứng. — Chúng ta nên kiểm thử giấy cứng, trắng chứng lối 200 lám, mỗi chữ dạy, viết trong một tấm thời. Nếu có thể vẽ hình được thi vẽ hình ngay nơi bìa trái tờ giấy.

Hình vẽ. — Hình vẽ đặng khéo chứng nào thi tốt chứng nấy, mà hình vẽ chưa phải là đủ, còn phải có món đồ thiệt mới đặng. Hình vẽ có khi làm cho học trò làm tưởng tới món đồ khác, chờ với món đồ thiệt thi làm sao chúng nó làm được.

Hình vẽ giúp chúng ta đê dạy viết mò, giúp học trò đê học ôn lại, và làm cho trẻ em ham mến về mỹ-thuật.

Chữ viết. — Chữ đứng thi tốt hơn hết. Chữ này làm cho học trò đê bắn đá hoặc tập vở ngay thẳng, buộc học trò phải ngồi ngay, và sau này tư-tưởng và việc làm của chúng nó cũng dặng ngay thật nữa. Lại còn chữ đứng, đối với trẻ em, gióng chữ in (caractères imprimés) hơn chữ viết nâm. Tỷ như mấy chữ sau này:

tá lá } chữ đứng coi gióng chữ in hơn chữ nâm xiêng.
lá lá }

Chữ mà chúng ta viết trong giấy cứng hoặc tập học trò viết trong lúc ban đầu không cần chỉ cho khéo lâm, miễn là nó gióng nữa chữ in và nữa chữ viết, làm cho học trò khỏi phải học lại hai thứ chữ, chữ in và chữ viết. Ban đầu, tập chúng nó đỗ lại một chữ mà thầy đã viết sẵn trong bắn đá rồi, kế bao chúng nó coi theo viết lại cho gióng chữ ấy (bài tập viết này cũng như bài tập vẻ vây, vẽ lại cho có cái hình chữ đỗ thời, còn về sự khéo léo thi đê về sau, khi học trò đã biết viết dặng bởi gióng chữ rồi.)

II.—Cách dạy

Tập nói (Elocution et vocabulaire) — Tỷ như dạy về cái tó. Hãy đưa món đồ lên và hỏi: Cái gì đây? — Cái tó đê chi? — Trò thấy cái chi ở ngoài cái tó? — Chỉ cái miệng tó, cái lòng tó, cái khu tó. — Tô kiêu với tó đá tó nào giá rẻ hơn? v. v...

Tập đọc. — Đưa coi hình về cái tó. Rồi đưa coi chữ viết tó. Bảo mỗi trò vừa nhìn vừa đọc tó.

Trong hai bài dạy thi thầy có thể lập học trò đọc lần dặng rồi. Như trong bài thứ nhất dạy ô, ơ, ơ; bài thứ nhì dạy : ly, me, bê, bô thi thầy sắp ra dặng như vầy:

tó me - tó bê - ly me - ly bê.
tó bê bô - tó bê bô - ly bê bô.

Những câu này hoặc viết lên bản, hoặc học trò lựa trong mấy tấm giấy cứng ấy mà sắp ra trên bản.

Tập viết. — Thầy đứng xây lung lại, trờ mặt vào bản den, bảo học trò đưa tay lên trên không, đê bắt chước theo diệu thầy viết chữ tó, làm như vậy ba bốn lần. Khi học trò đã biết diệu viết chữ ấy, đã biết khởi tại đâu, rồi dứt nơi nào, kế bảo đỗ lại chữ của thầy đã viết sẵn trong bắn đá. Nếu học trò viết rôi, bảo chúng nó bắt chước theo đó

mà viết lại một chữ khác cho gióng như vậy.»

NGUYỄN-VĂN-PHÁC

(Rút ở Su-pham Học-khoa số 1- Septembre 1932)

Phương pháp dạy này cốt dạy bằng vật hữu hình đê lập con nit quan sát, suy nghĩ, luận-lý, v. v. và tập đọc trum chữ, đê tránh chỗ ngập-ngừng và sau trong sự đọc. Ở văn xuôi, cũng như ở văn ngược, kiểm những đồ vật dạy làm sao đến một bài rồi thi có thể sắp ra trọn văn vây. Day vậy, thầy giáo dã tránh cho đứa học-trò còn nhỏ qua kia những cái trừu-tượng (abstrait) là cái khó hiểu khó nhớ, nghĩa là cái làm cho con trẻ ngã lòng, sauh chán được! Về cách dạy đọc nguyên chữ trên đây, tôi xin mời bà con xem kỹ các bài ở Su-pham Học-khoa kè từ tháng Septembre 1932 trở đi để nghiệm xét coi cách dạy ấy đáng mừng hay đáng lo.

Sách Lectures franco-annamites của ông Boscq mà ông Tịnh-Xuân gọi là « rất hay » là sách ngày nay không còn ở tần-thơ một trường nhà nước nào tắt cũ. Vì sao? Vì sách tập đọc của ông Boscq không có kết quả gì lâm. Sách chữ tay mà có chưa tiếng ta, đem dạy, lại bảo không có kết quả chẳng là khó nghe quâ? Bài tập đọc tiếng Pháp thuộc về bài học tiếng một (Vocabulaire) hay là nói cho rõ, bài tập đọc là bài di sau bài học tiếng một, lấy tài liệu ở bài học tiếng một mà làm thành vây. (về có sách sẵn bài như vậy lại càng tốt.)

Dạy bài học tiếng một có chưa nghĩa bằng tiếng ta là cách dạy cũ của trường nhà nước. Hiện nay người ta đã bỏ và lại cũng cấm không cho dạy cách ấy nữa, vì dạy cách ấy thầy giáo khỏi tốn công và hao hơi đê tìm kiếm câu hỏi, chỉ đỗ vật, tập nói, sửa lỗi. Tôi giờ chỉ lên bắn viết mấy chữ có chưa tiếng ta rồi thôi, khoẻ lâm!

Dạy cách nào cho đúng? Trước hết chúng ta xét coi chủ ý bài dạy này là gì. Cho biết tên đồ vật, biết nói chuyện và biết chữ nữa. Như vậy thi cách dạy trực-liếp mới là đúng (méthode directe).

Tôi giờ dạy thi trên bắn đã sẵn các vật dùng để dạy (matériel). Dạy không dung tiếng ta, chỉ dung tiếng Pháp không mà thôi. Thầy đưa món đồ ra hỏi, học trò không biết thi thầy nói, rồi thầy bảo học trò lặp lại, còn phải hỏi đứa khác nữa hoặc bảo đứa này hỏi đứa kia. Nếu dạy tiếng verb thi bảo học trò làm. Trong khi đứa đó làm thi đứa khác nói nó làm cái gì đó, v. v...

Dạy như thế đứa nhỏ dã nói chuyện được mà lại hiểu được nữa. Mỗi khi dạy xong một tiếng thi thầy viết lên bản rõ ràng ngay thẳng rồi bắt

PHU NU TAN VAN

hoc trò đọc lại, đánh vần kể viết vào giấy của chúng nó. Làm vậy có nghĩa gì? Dùa nhỏ nghe, thấy, nói, viết, bốn cái trí nhớ của nó đều làm việc.

Thế thì mỗi chữ mình đã giao cho bốn cái trí nhớ của đứa nhỏ : *nghe mà nhớ* (mémoire auditive), *thấy mà nhớ* (mémoire visuelle), *nói mà nhớ* (mémoire d'articulation) và *viết mà nhớ* (mémoire tactile). Trong bốn cái trí nhớ thế nào cũng còn một vai trò còn ghi nhớ chữ đã dạy. Đó là một điều lợi rất lớn. Dạy cách trực tiếp còn một điều lợi rất lớn nữa : Sau hè đứa nhỏ nghe tiếng Pháp nào nó đã có học thi nó liền thấy cái hình vật mà nó đã học tiếng ấy ngay. Còn cách dạy kia, nhiều khi thầy giáo không đem món gì vào lớp để chỉ, vì ý có tiếng ta. Thầy tường rảng tiếng ta dù thay thế cho đồ vật được, biết đâu con nít nhiều đứa chưa từng thấy nhiều món thầy dạy nó. Mà vì đầu nó có thấy món ấy, hay là thầy có đem món ấy để chỉ, sau này đứa nhỏ nghe cái tiếng nó đã học thi triều của đứa nhỏ di từ tiếng nghe qua cái hình vật của tiếng ấy, rồi qua tiếng của ta, sau rốt mới trở lại triều. *Đường hiều rày dài hơn đường hiều của cách dạy trực tiếp vây.*

Phải nói đồng dài như vậy rồi mới có thể nói đến bài tập đọc toàn bằng chữ Pháp. Bài tập đọc đã là bài gom góp tài liệu ở bài học tiếng một, đứa nhỏ đã hiểu những tiếng học ở bài tiếng một rồi thì có thể hàn bài tập đọc bằng tiếng Pháp. Nó càng được hiểu nhiều hơn, khi nào ông thầy lừa bài có vẽ hình, lấy hình ấy xem chung để cho ra rõ rệt cái nghĩa của bài đọc ấy và ông thầy đọc lại có bộ tinh (geste) lý thú. Chúng tôi đã có thí nghiệm rồi, kết quả mĩ mãn lắm!



Day vé và công-nghệ mà ông T. X. cho là nhiều quá, nghĩa là không bò ích bao nhiêu thi ai hiểu sự ích lợi về khoa vé và khoa công nghệ cũng phải lấy làm lạ.

Hoa khoa (dessin) không phải là một khoa dạy không cần ích. Khoa dạy ấy cũng có tánh cách tri dục (caractère éducatif) như các bài khác vậy. Không những dạy về chỉ tay cho nhuần, mà còn tốp đứa nhỏ coi cho ranh, cho đúng, tập cho nó quen thói quan sát, mở rộng khía trường-tưởng-lượng (imagination) và sự cảm giác của nó đối với cảnh vật (nature) chung quanh mình nó. J. Jacques Rousseau có nói : « Tôi muốn cho đứa học trò của tôi tập khoa vé, không phải vì khoa ấy mà chính đ

tập cho con mắt nó dùng dần và say nó nhuần nhả. » (Je voudrais que mon élève cultivât l'art du dessin, non précisément pour l'art même, mais pour se rendre l'œil juste et la main flexible). Herbert Spencer cũng nói về khoa dạy ấy như vầy : « Câu chuyện không phải để biết đứa nhỏ có vẽ được tốt đẹp không, mà chỉ để coi nó có mở rộng các khía trường minh của nó không vậy. » (La question n'est pas de savoir si l'enfant fait de bons dessins, mais s'il développe ses facultés).

Về khoa công-nghệ (travaux manuels) sự ích lợi cũng không thua kém khoa dạy nào hết. Dạy công nghệ có ba điều lợi ích : 1° giúp thể thao, 2° về thiết kế và 3° về tinh thần. Con trẻ có một cái sức phai xài, công nghệ giúp cho con trẻ máy động vây. Nó luyện đứa nhỏ được dẻo (souple), linh (rapide) trong sự day động (mouvement). Đó là lợi ích về thể-thao.

Phần nhiều con trẻ có điều ham mê (vocation) mà nó không biết được. Khoa công nghệ chỉ dẫn nó vào điều ham mê của nó cho nó biết một cách rõ rệt. Nó chưa làm công việc nó ra mà ngay bây giờ nó đã sanh lòng yêu mến rồi vây. Đó là lợi ích về thiết kế.

Đứa nhỏ quen cầm dao, kéo, đục, cưa, v. v. rồi lại ham cầm đèn, già công làm cho tốt đẹp khéo léo. Đứa nhỏ sẽ thấy cái nghề làm bằng tay (travail manuel) không phải hạ tiện hơn nghề làm bằng trí (travail intellectuel) nếu người ta già tâm làm cho tròn bổn phận. Kết quả « *nhiều cái thành kiến sẽ tiêu tan, nhiều sự ghenh chống giữa hạng dân tiêu nhất : sự hóa ái của xã hội sẽ tạo ra căm mây cái hận học của trường sơ-dâng vây.* »

(*Bien des préjugés disparaitront, bien des oppositions de caste s'évanouiront : la paix sociale se préparera sur les bancs de l'école primaire.*) Đó là sự lợi ích về tinh thần.

Vã lại, cái gì đứa nhỏ làm lấy thì nó hiểu một cách thấu đáo, không bao giờ quên dặng. Ở Hiệp-chung-quốc (Etats-Unis) người ta hay có tánh hào dì, có trường các môn dạy đều làm thành một bài công nghệ hết ! Thế thi biết người ta hiểu sự lợi ích của khoa công nghệ là đường nào !



Tôi chỉ còn nói qua sự học làm toán bằng tiếng Langsa, cứu chương Langsa ở lớp Đồng-Ấu. Tôi không biết ông Tịnh-Xuân muốn phà người ta mà bảo vây chẳng hay là ông nói phà lừng để cười chơi !

Học cứu-chương (table de multiplication) hay là

học làm toán mà nhất là học làm toán, ở lớp Đồng-Ấu hay là bắt câu ở lớp nào, nếu chỉ dùng cái trí mạnh-nhờ không, thì tôi đó ai làm sao mà làm cho được, nếu không hiểu ý nghĩa của mỗi phép toán. Dùa nhỏ lớp Đồng-Ấu học chữ quèng-ngữ chưa xong, mà lại bao học cứu-chương học làm toán bằng tiếng Pháp, thi có nói làm sao nữa giờ !

Kết luận bài này, tôi xin bắt chước cái giọng của ông Tịnh-Xuân mà nói như vầy : Tôi không dám bắt chước nhiều người bảo người mình không có học thức gì ráo mà khi không dám nhảy đại làm mặt văn-sĩ, thi-ông, chánh-trị, triết-ly, sư-phạm, v. v. tôi chỉ xin ông trước khi muôn bàn về một vấn đề nào, hãy do dám, quan sát, khảo cứu một cách cho tường-tắt đã.

KHẨ-GIA
lai cáo

Bồn báo có tiếp được số bạc 8000 và 2 \$ 20 của 2 vị nặc danh và có B. cõ T. ở làng Tăng-hòa Gocóng gửi quyên giúp nạn bão lụt ở Phú- yên, trong đó có 1p. quyên cho nạn lửa cháy ở Cầu Rạch bẩn. Số bạc này Bồn-báo đã giao cho Hội Nam-kỳ Cứu-tè Nạn-dân ngày 5 Janvier 1932. Vì qui vị hảo tâm trên đây không có để địa chỉ cho nên không thể gởi biên lai đến được.

Đã ra trọn bộ

Tác giả :
DÀO-DUY-ANH
6.000 chữ đơn
40.000 tiếng kép
Định giá mỗi
bộ 2 quyển 6\$50

HÀN-VIỆT
TƯU-DIỄN

Hai quyển đóng làm một, bìa vải, chữ thép vàng thật giá... 8\$00 (ở xa thêm 0\$50 cuốc).

Mua tại các nhà buôn và nhà đại-ly không tính tiền cuốc.

Các nơi có trữ bán ở miền Nam :

Hàn-lâm	Phanh-thiết
Phu-nữ Tân-văn	Saigon
Tin-đức Thư-xã	Saigon
Vi-Tiên, 42, Amiral Courbet	Saigon
Tổng-phát-hành	Quan-hãi

27, Rue Gia-long — HUẾ

Hội các đồng bào !

Chúng ta nên tưởng tới
trẻ con nhà nghèo



Đồng-bảo độc-giã chắc ai nấy
cũng đều có nghe nói đến viện
« Duc-anh » của phu-nữ Việt
nam đã mở ra tại đường Huỳnh
quang-Tiên, số 58.

Từ khi mở cửa đến giờ, viện
« Duc-anh » này đã nhận lãnh cũ thay được chừng
sáu chục đứa trẻ nhỏ.

Nay nhơn dịp lễ Tết ta sắp đến, Viện tình tổ
chức một ngày, kêu là « Ngày vui của trẻ con nhà
người » (*La journée des enfants pauvres annamite*)
tại viện để phát những đồ chơi, (1) cho những
trẻ con nhà nghèo đã được viện nhận lãnh từ ngày
28 Novembre 1932, nghĩa là từ khi viện mới bắt
đầu mở cửa đến giờ.

Bởi vậy, viện chúng tôi rất mong rằng quý-vị
thương-gia tây nam sẽ doái thương số phận con
trẻ nhà nghèo và sẵn lòng giúp vào cho cái « Ngày
vui của trẻ con » thêm có vẻ tốt đẹp rực-rỡ.

Ngài nào huệ-cố mà cho đồ thi xin cứ gửi ngay
đến số nhà 58 đường Huỳnh-quang-Tiên, bồn-viện
sẽ có biên-lai nhận lãnh hẳn-hỏi.

Đến ngày phát đồ chơi cho trẻ em nhà nghèo, nếu
qui ngài thông-thẫu, thi xin quà hời đến bồn-viện
để dự cuộc cho vui thi chúng tôi lại càng cẩn bội
thanh-tinh nhiều lắm.

Hội Đức-Anh Cần cù

(1) Còn quần áo mặc tết thi bồn-hội đã phát trước hôm
ngày 9 Janvier.

TIỀN LỢI! TIỀN LỢI!

Dầu « MĀNG » giá rẻ, trị bệnh rất hay,
thường kén lá là dầu ĐÀNG-THÚC-LIÈNG nhân
biệu « BÔNG SEN ».

Giá bán mỗi ve 0p. 18, nguyên 16 12 ve
1 \$ 60, có gòi bán khắp nơi.

Ông ĐÀNG-THÚC-LIÈNG là thầy thuốc
Annam có danh ở Lục-tỉnh 40 năm rồi, đã
từng chế dù thứ cao, đơn, huyền, tán, đỗ trị
bệnh cho đồng bào ta, có nhiều người cum
ân, và xưng tung rất nhiều. Ông Đặng-thúc-
Lièng hiện kim ở tại số nhà 99 bis đường La
Grandière, sau chợ mới Saigon.

Xin chư tôn lưu ý.

TẬP DỊCH VĂN TÂY • CON CHIÊN CÁI CỦ SEGUIN

Cu Seguin nuôi nhiều chiên, nhưng không được mản-nghẹn.

Cu bị mất mấy con dê cùng một cách hết : một buổi sáng kia, chúng nó cắn đứt dây, trốn lên núi, rồi bị chó-sói ăn. Sự vỗ về của chủ, lòng sợ chó-sói, không thể cầm chừng nó lại được. Có lẽ đó là những con dê tự chủ, chỉ muốn sự khoang-khoát và tự-do.

Không hiểu nỗi tánh-tinh của mấy con thú. Lão Seguin rầu hết sức. Lão nói : thế thì thời mấy con dê đã không chịu ở nhà ta thì ta sẽ không nuôi một con nào nữa cũ.

Nói thế, nhưng cu không thối chí, và sau khi bị mất luôn sáu con chiên cùng một cách, cu bèn mua con thứ bảy ; nhưng lần này cố ý đem về khi nhỏ cho dê tập-tành.

Đẹp thay con dê của cu Seguin, đẹp thay cặp mắt hiền từ của nó, đẹp thay bộ râu ngạnh-trênh-hình, móng đèn-ánh, cặp sừng rắn-rèn, lông dài và trắng, phủ cù minh nó như áo rộng. Nó đẹp gần bằng con chiên của Esméralda. Vẫn lại nó dê day, dê thương, và đứng tự-nhiên cho nặn sưa, không dám chân vào thùng : cái tánh dê thương của một con chiên con.

Sau nhà cu Seguin có một vật cỏ rào gai, nơi cu dùng để nuôi người « khách mới ». Cu cột con chiên con nơi nọc, chỗ cỏ non, và cố ý dê sợi dây thật dài, rồi thỉnh-thoảng cu lại ra thăm. Chiên sung sướng lắm, cứ thết lòng ăn cỏ ; thấy thế, cu Seguin cũng thích lòng.

— Dữ không ! bây giờ mới ngó thấy một con chiên chịu ở nhà ta.

Cu Seguin làm rồi : con chiên con của cu nó đã phát chán. Một ngày kia, vừa ngó núi, con dê nghĩ rằng : « Còn gì thú bằng ở trên đó ; có thú gì hơn thú nhảy trên những bụi cây, nếu ta không bị sợi dây ác-nghiệt này ràng buộc cõ ta. Nếu như lừa bay bò ăn cỏ trong vật này thì được, chờ giống chiên ta cần phải rộng rãi. »

Từ đó về sau cỏ nhà cu Seguin hình như lạt mui ; sự buồn rầu ở đâu kéo lại, nó ốm lùn-lùn, sưa cũng ít. Thấy cũ ngày nó chỉ lôi sợi dây, đầu châm về núi, lỗ mũi hình miệng kêu mê... rất buồn, mà thương. Cu Seguin biết con dê của mình có lâm-sự riêng, nhưng lại không hiểu tam sự gì. Một bữa sáng kia, sau lúc nặn sưa rồi, con chiên day lại, dùng tiếng thô-ngữ mà rằng :

— Ông Seguin, ông hãy nghe dây ; tôi chết buồn ở nhà ông. Thời, ông cho tôi lên núi.

— Ôi trời ôi, con này cũng vậy à ! Cu Seguin ngạc-nhiên, la to lên ; cái thùng sưa liền rót dưới đất rồi cu ngồi xuống cỏ, gần con chiên.

— Sao ? Blanquette, con cũng muốn đi à ?

— Dạ thưa ông phái.

— Ở đây thiếu cỏ hay sao ?

— Không đâu ông Seguin à !

— Hay là dây cột cut lắm ? con muốn nới dài ra không ?

— Không cần gì, ông Seguin !

— Vậy còn thiếu vật gì ? con còn muốn việc gì ?

— Con muốn nới trên núi, ông Seguin à .

— Ôi ! đồ khốn nạn ! mày không biết trên núi có chó-sói sao ? Gặp nó, làm sao mày chống cự lại ?

— Thưa ông, con sẽ cho nó vài cú sừng này.

— Chó-sói kẽ gi sừng chiên ! nó ăn biết mấy con chiên của ông có sừng như mày vậy ; mày nên biết rằng năm ngoài, con chiên già Renaude ở đây, nó mạnh, nó dữ như một con chiên đực ; cõi đêm nó chống cự với chó-sói, rồi sáng ngày cũng bị chó-sói ăn.

— Ôi, tôi thay cho chị Renaude ! nhưng không sao đâu ông Seguin ! ông hãy để tôi lên núi !

— Đức thương-dế giàu lòng bác-ái ơi ! sao xui dê ta như vậy ? đó cũng một con dê đem nạp thịt cho chó-sói nữa. Nhưng mà không, mặc kệ mày, ta phải cứu mày. Muốn cho mày khỏi cảm thấy, ta phải nhốt mày trong chuồng ; mày sẽ ở đó luôn luôn.

Liken theo đó ông Seguin làm con chiên vào chuồng tối. Đóng cửa kín-kèm, nhưng khôn thay, ông quên nghỉ đến cửa sổ. Ông vừa xoay lưng, thì con chiên phô ra...

Chiên trắng tời núi : cảnh vật tõi sắc hàn hoan. Không khí nào thấy mây cây-xa-banh» già còn đẹp như vậy. Cảnh-vật rực rỡ, như rực một bà hoàng-hậu con con. Mây cây lật (châtaignier) cùi sát đất, vuốt-ve nó ở đầu cảnh. Các hoa nở vàng rực, mùi hương ngọt-ngát. Cảnh-vật trên núi đều làm lè chào mừng con chiên trắng.

Chị chiên ta vui sướng lắm : không dây, không nọc, không cõi cấm nó nhảy, nó ăn. Thật chó

dò đầy những cõi, cao tới đầu sừng ! Ôi mà thử cõi gì ! ngọt-nhỏ rút như răng, dù cõi ngàn thứ. Thật khác hẳn với cõi nhà cu Seguin. Còn các thứ hoa nứa, cõi hoa xanh to, hoa dò cõi dài-hoa dài ; một rừng hoa dày chất mặt ngọt nồng. Con chiên trắng thỏa-thích được nứa chừng, nằm ngủa chân chống lên trời, lăn trên bờ, lợn với lá và trái cây rụng. Rồi nhảy dựng dậy. Vút một cái nó đi, đầu ngay ra dâng trước, khi băng bụi bờ, khi nhảy qua tần đá, khi lội qua khe, khi trèo lên, khi nhảy xuống, khiến người ta có thể tưởng rằng đó là mười con dê của cu Seguin.

Thật con Blanquette không sợ gì hết. Nó nhảy một cái một qua các suối to, làm cho bọt, nước văng tung-tung lên ; nó mệt, nằm trên tần-dà, phơi mình dưới dưới mặt trời. — Cõi một lần di qua trên một cái cao-nghẹn, răng cẳng một cái hoa, thấy dưới cảnh đồng nhà cu Seguin và vật cõi ở sau mà nó phát cười ra nước mắt :

— « Ôi nhỏ thay ! làm thế nào mà ta ở trong đó được », nó nói thế.

Thương-hại thay con chiên kia ! khi được leo cao như vậy nó tưởng nó to gần đồng quã địa cầu. Tóm lại, ngày ấy thật là một ngày sung-sướng nhất của con chiên cu Seguin.

Được nứa ngày, đang lúc chạy rong chơi, nó gặp một bầy thù đang nhai cây nho rừng. Con chiên trắng tời làm cho cõi bầy đều phải chú ý. Các con thù úy biến nó chồ ăn non, rồi các « ông » hết sức ăn-cần. Hình như một con thù lông đen được hán-hạnh làm vừa lòng cõi Blanquette. Hai người tình-nhân-mời di rong trong rừng được một hai giờ gì đó, và muốn biết chúng to-nhỏ những gì thi chỉ cõi hỏi mày cái suối róc-rách mép dưới rong.

Thịnh linh gió trở nên mát ; núi tim lại : chiều.

— Ủa mau vây à ! con chiên vừa nói vừa ngạc-nhiên đứng lại. Dưới thấp sương-mù che lấp cảnh đồng. Vật cõi sau nhà cu Seguin mất trong đám mù, cái nhà nhỏ chỉ còn cho thấy nóc và một chút khói. Nó nghe tiếng lục-lạc của bầy thù về chuồng mà tâm-hồn nó phát buồn-tanh. Một con chim vè ò, bay ngang, cánh phớt mảnh nõ, nõ rùng mình ! Rồi trên núi một tiếng ghê-gớm xuất hiện :

— Hù, hù !

Nó mới nghe đến chó-sói (cả ngày con chiên đợi đợi ấy không nghĩ đến chó-sói bao giờ). Trong lúc đó xa xa, trong lũng núi tiếng cõi kêu gọi : ấy cu Seguin gắng tìm nó một lần cuối cùng.

— Hù, hù, tiếng chó sói kèm.

— Vè, vè, tiếng cõi gọi nó.

Con Blanquette muốn về liền. Nhưng nhớ đến nọc dây, hàng rào, nó nghĩ khó ở theo cảnh đó được. Thời thà ở lại cho xong.

Tiếng cõi thời gọi, con chiên nghe dâng sau cõi tiếng là sột-sạt. Nó day lại thấy trong tôi hai cái tai cut ngay đor với hai con mắt cõi người... Chó sói !

To lớn, yên lặng, ngồi trên hai chân sau, con chó-sói ngồi chừng con chiên kia sẻ vào miệng nó nên nó không nôn gi ; nhưng khi chiên day lại ngồi, chó sói mới cười một cách gay-gắt dữ-lợn : « Hà, hà, con chiên con của cu Seguin đó à. »

Rồi cái lưỡi to lớn dò chét liếm lấy cõi.

Con Blanquette bây giờ biết mình sắp chết. Một lúc nó nhớ lại chuyện con chiên già kịch liệt chống cự cả đêm với chó sói rồi đến sáng cũng bị ăn, nó nghĩ thà dè cho ăn tức thi. Rồi nó lại nghĩ lại, nó đứng thủ-thể, sừng chia ra dâng trước, thật dâng một con chiên bạo-dạn của cu Seguin như nó vậy. Không phải nó có hy-vọng giết chó sói, — mày đời dè giết được chó sói ! — nhưng dè coi chống lâu được như con chiên già hay không.

Bây giờ con thù dữ-lợn đi tới, rồi tấp sừng con chiên bắt đầu múa. Con chiên con hết sức hết lòng làm sao ! Hơn mười lần nó làm cho chó sói lui lại dè thở. Trong mấy lúc định-chiến được một phút, con chiên ham ăn lập tức hái một sợi cõi yêu-quí, ngâm vào miệng rồi lại kịch-liệt tranh đấu. Trận tranh-dấu được suốt đêm.

Thịnh-thoảng con chiên thấy sao nhấp nhảy trên trời thanh, nó nghĩ :

« Cõi gi, miền ta cầm-cự tới sáng thi thôi... » Hết cái này, sang cái kia, các ngõ sao lùn-lượt tắt lùn. Con Blanquette hết sức múa cặp sừng, chó-sói hết lòng khoe cặp răng....

Ánh sáng lờ-mờ xa tận chân trời, tiếng gà inh-ói bắt từ làng xóm đưa lên.

« Thời rồi ! » con thù khốn nạn than. Nó không đợi được đến sáng mà chết, nó nằm dài trên đất, áo lông trắng nhuộm đầy những máu.

Liken lùc ấy con chó-sói nhảy chồm lên mình con chiên con mà ăn.

(Dịch bài « La Chèvre de M. Seguin của Alphonse Daudet »)

PHẠM-DINH-NGUYỄN
(Nhatrang)

HÃY HÚT THUỐC JOB



CẨM HOA TRÔI, CUỐI THU

Buồn thu, ngồi ngâm cảnh thu tàn,
Trên cành gió thu đưa mây tan,
Dưới cành dưa hoa theo gió lồng chảy,
Trời từ đâu xóm, nước đưa sang.

Thấy hoa xù xì cảm tâm lòng minh,
Vi đâu hoa phải cảnh linh-dinh?
Linh-dinh phản mòng sóng dời-dập,
Bạc-mặng thay hoa lúc còn xinh!!

Hay trân gió vàng thời đêm qua?
Ghen-hờn chi với sắc-hương hoa,
Đánh dỡ rả rời buổi xuân sớm,
Chẳng thương chút phản lúc mặn-

mà.

Hay là mán phải hẹn Mả-sinh?
Chưa chi đã vội bẻ lia cành,
Thân hoa đến thế đời hoa khở.
Nên giờ giồng sòng cái kiếp-sanh.

Hay là hoa cùng khách tình-trường?
Đau đớn cùng ai nỗi sám-thương.
Liền cội theo giồng mong gặp khách...
Đặt-trời chim-nỗi giữa sông Tương.

Cảm thu, thu đã già ta rời,
Xót nỗi thân hoa, hoa đã trôi,
Ra về bóng thò soi dâng tôi,
Đãy dâng lá vàng gió thời rời....

HOÀI CỔ HỮU

(Mỗi câu có 1 cái hiết-hiệu
của mỗi bạn xưa).

Đa-Hữu nào khi nhóm bạn nhiều,
May Lê-Dinh cũ cảnh du-hi,
Máy che Hồng-Nhựt mờ non ái,
Canh giục Tố-Phang tít đậm chèo;
Tây-Vịnh đêm trường bờ quanh-quê,
Nam-Âm ngày vàng giọng buôn teo,
Bóng ai? Hàng-Thuận hay Quang-Tuyền,

Trên gác Kim-Tan bật tiếng thiêu.
Lê-Dinh, Gò-Quao (HẠCHGIÁ)



BÓNG HUẾ VÀ DẤM MÂY

Đương mùa hạ: trên đồi bóng héo,
Thấy mây qua, kêu biếu mây rắng:
- Anh ơi, anh ở trên không.
Theo cánh gió bắc, anh lồng anh bay.
Xin tưới xuống thân này chút nước,
Héo, nhớ anh lại được tốt tươi!

VAN UYEN

Mày rắng: - Ta sẽ nhớ lời,
Hay chờ — xong việc ta rời — liệu cho. —

Mày đi, bóng chết khô trên đất.
Mày trờ về mưa thiệt như tuôn.
Mưa tuôn trên xác bóng tàn.
Nhưng dù quá muộn, mưa làm nứa chí?

Kẻ khốn kin, sống ta không doi.
Thường chết di, ta lại tới mồ.
Vài tiền, gieo tiếc ích gì?
Đầu tiền dẫu tiếc nì thì sống đâu?

(Liryc dịch bài La fleur et le neige của Lachamaudie).

THỊ-LƯU



LY-BIẾT

Mời gặp nhau đây có mấy ngày,
Mấy ngày sao nở vội chia tay.
Chia tay rồi cũng khỉ sum hiệp,
Sum hiệp dời ta sẻ có ngày.

Kè ở người dì luồng ngầm ngùi,
Ngầm ngùi chim nhạn phải lia dời.
Lia dời rồi cũng khỉ sum hiệp,
Sum hiệp dời ta sẻ có ngày.

TU VĨNH

Thơ tiên rượu thánh thế mà hay,
Chữ nghĩa ra gì chút mây may.
Trót đã da mang vài chữ nhất,
Đành cam deo dâng mấy câu này.
Đường đời lâm lùc nghe cảng chán,
Sự thè nhiều khi nghĩ lại eay.
Mặc kẽ buôn danh người bán lợi,
Thơ tiên rượu thánh thế mà hay.

NGUYỄN-DUY-TÝ



SÔNG HƯƠNG-GIANG

Thuận-hoa trời dành chốn đế kinh,
Sông-hương trang điem đẹp hơn
tranh.
Đầu nguồn nước chảy dời giồng biếc,
Mặt khuynh sông doanh một giải
xanh.
Cầu sắt soi hình xe ngựa lượn,
Thành vàng yeng bóng phô phưởng
xinh.
Ước gì dặng thấy thơm như trước,
Hát khúc thương-lang, gõ nhịp sanh!

CHÙA THIỀN MỤ

Dâu biển xưa nay vật dồi dồi,
Cỏ hoa chùa Mụ hay còn tươi.
Tháp xây khu ốc tăng mây cuồn,
Chùa cởi lưng rùa cắp đá cơi.
Tiếng kè tiếng ngư văn xướng họa,
Bóng cây bóng nước sâu trong ngời.
Hai mươi tháng cảnh đây là một.
Thiền-mụ chùa linh tiêng khắp nơi.

NGŨ GỤC

Con ma đà thật ốc,
Mời giờ sách ra đọc.
Xui mắt nọ riu-riu,
Khiên đầu kín gục gục.
Một hàng ngo'a hai,
Mười chử cũng như chục.
Thôi chờ khuấy ta chi;
Phải dì liền tức-ốc!

T. V. D.
(Huế)

MỘT BUỒN NGÂM SÔNG CƯU-LONG

Gió chiều thời bên bờ hiu hắt,
Khúc sông quanh xanh ngát chay trôi.
Chiếc thán dắt khách quê người,
Ngâm trống cảnh vật trường dời
trong mè.
Đầu cầu vui người về ngơ ngẩn;
Cuối bến như vơ vẫn trâm tinh.
Núi non một dâng xa xinh,
Sông sâu, nước thảm chập chính
lang thang.

Cây lũn cỏ bàng hoàng phơ phất;
Làn sóng giao ngày ngút reo hò.
Giữa giồng chử lái bờ vờ,
Đàn chim mỗi cánh bên bờ biếc
bay.

Xa xa tít từng mây rỗi tỏa,
Bóng ô chiều nga ngà dâu non.
Thuyền ai một chiếc con con,
Xông pha sóng gió chập chờn xa xâm.
Nhìn cỏ quốc một vùng dò ối,
Hòn quố như kéo rỗi tấm lòng.
Hai vai thân thế tang hổng,
Biết thân có thẹn với vòng tròn ai?

TRẦN-VĂN-QUÂN
(Vientiane)



TIN TỨC TRONG NƯỚC

Chiều bữa ấy ông Graffeuil lên tới Hanoi.

Xã trưởng ăn cấp bạc công-nho nữa.

Mới rồi ở làng Phước-lê là làng chài-thành Baria có đỗ bè ra một vụ xã-trưởng ăn cấp bạc công-nho rồi trốn mất.

Lê-tường-Thoại, làm xã trưởng làng ấy, khi thâu thuế của dân, bèn biến-lai biến đủ số bạc thâu, còn bèn giáp lai lại biến số ít hơn, lấy của dân đến 10 ngàn đồng bạc thuế!

Nghé nói Thoại ăn cấp bạc ấy để đánh mẹ, vì trong làng có một sòng cờ bạc do một người có thế lực chửa.

Bạc đồng mới dâu có người làm già rồi.

Mấy hôm nay các tiệm buôn khách và ta ở Haiphong không chịu nhận bạc đồng, cho đến một vài hiệu buôn Tây và sở Dây-thép cũng vậy. Người ta sợ lấy làm bạc đồng giả mà khốn.

Cứ như lời các báo ở Bắc nói thì hiện nay ở Đông-dương ta có rất nhiều bạc đồng giả. Bạc ấy giống in như bạc đồng thật và cũng đúc bằng bạc thật, có điều không phải là của Nhà-nước phát ra mà thôi.

Nghé nói mới rồi nhà hàng Franco-Chinois (Pháp-Hoa) ngân-hàng cũng có thâu lầm đến 130 đồng bạc ấy.

Bạn hàng chợ Saigon không bán ban

đêm.

Đêm chủ-nhật fer Janvier, chung quanh chợ mới Saigon tối thui và hiện ra một cái quang cảnh buôn bạc hết sicc. Những tiệm hàng lúa của người ngoại-quốc, những tiệm bán hàng Bắc, những hàng sach vở, những quán cơm quán cháo, quán trà huế nước đá chỉ chỉ cũng đều đep ráo, những người đi chợ đêm, không con một ai bước cảng đến chợ.

Hỏi ra thì tại Thành-phố tảng tiền chò ban đêm lên bằng hai khi trước, ban hàng không thể chịu nổi, nên mới đóng cửa nghỉ cho khoái.

Bạn hàng chung quanh chợ mới ngồi từ hôm 1 tay đến nay là 7 tay mà cũng edn nghỉ. Mỗi ngày họ chỉ dọn hàng bán nội mội buỗi sớm mai mà thôi, vì ban ngày Thành-phố không có tảng tiền chò, còn buỗi chiều và ban đêm thì họ dep hết.

Phi-công Lefèvre bay ra Hanoi.

Hồi 5 giờ 40 phút ngày thứ tư fer Janvier, phi-công Lefèvre đã nhảy lên máy bay tại sân máy bay Tân-sơn-nhit (Gia-dinh) để bay ra Hanoi giao một cái thư của quan Tổng-trưởng Thuộc-địa Albert Sarraut cho quan Toàn-quyền Pierre Pasquier.

Ở Tân-sơn-nhit, phi-công Lefèvre bay đi Pursat, ghé

Vientiane (Lào) thăm quan Khâm-sứ, rồi mới bay thẳng ra Hanoi và tới nơi hồi 5 giờ chiều.

⊗ Một sự tiện lợi cho dân Thành-phố Saigon.

Từ nay sở Dây-thép-nói ở Saigon sẽ đặt máy nói từng nhà trong Thành-phố, ban đêm hễ ai hay có ăn trộm vào nhà, cứ ngồi dậy nhận một cái nút chuông, thì các bốt Cảnh-sát biết có ăn trộm vào nhà nào, rồi sailinh đến tận nhà ấy mà bắt Đạo-chích.

Sở Dây-thép-nói bày việc này ra vừa mới mě vừa tiện lợi cho dân Thành-phố quá.

⊗ Một cách glorin chơi thiệt quái gở !

Vừa rồi có hai người lính sơn-dá ở Bắc-ký đồng cởi xe máy đi chơi. Khi họ đi đến Bạch-mai, gần Cống-veng, có gặp một người dân-bà là Bùi-thị-Trung, đang ngồi rửa chén ở dya mương lô. Hai cậu sơn-dá liền rút súng ra nhắm Thị-Trung mà bắn, Thị-Trung hoảng hồn vứt chạy, hai người lính liền nhảm theo mà bắn luôn 5 phát trúng đít!

Thiên-hạ hay tin liền chở Thị-Trung vào nhà thương cứu cấp, may khỏi thiệt mạng, và bắt hai người lính ấy. Tra hỏi, họ nói là họ say rượu nên glorin chơi !

⊗ Vì đánh thuế mắt, Chết bỏ thui mười mấy con heo.

Bước qua đầu năm 1933 thì công-xi heo chợ Giadinhs giao ve chủ khác thâu tiền. Theo lệ thường thì cao 1 con heo nhỏ phải đóng thuế \$080, heo vừa \$120, heo lớn \$170. Năm nay kinh-tế khùng-hoảng đáng lẽ thuế phải giảm một chút, song rái lại, chũ công-xi đã chẳng giảm mà lại còn đòi mỗi con heo, dầu lớn dầu nhỏ chỉ, cũng phải đóng thuế \$170.

Bọn Chết cao heo ở Giadinhs, trước khi cao heo có đi hỏi công-xi về giá tiền thuế, công-xi biếu cứ cao heo đi rồi họ sẽ cần heo mà đánh thuế.

Ngày 1er Janvier bọn khách-trú cao tời mười mấy con heo, để bán Tết tây, không ngờ công-xi không chịu cần heo đánh thuế, mà bắt mỗi con heo phải đóng đủ \$170. Bọn khách không chịu, bỏ mười mấy con heo nằm tại công-xi, kéo, nhau về hết, và không bán thịt nữa.

Ông Cố Giadinhs có cho lính đòi bọn khách đến lãnh heo họ về, nhưng họ cũng không chịu đến lãnh, quyết bỏ heo nằm đó cho thui công-xi chơi !

⊗ Dám ăn cắp con người ta ban ngày.

Chiều ngày thứ bảy 31 Décembre vừa rồi, có một người dân bà băng một đứa con lối ba bốn tuổi lại ga Arras (Saigon) để nó đứng đó rồi lại mua giấy xe điện. Một người dân bà là mặt khác lại thừa dịp ấy, băng phứt đứa nhỏ kia mà nhảy tót lên xe điện...

Mè đứa nhỏ mua được giấy xe rồi, day lại thấy mất con thi hoảng hồn, băng thấy người dân bà kia băng con mình mà nhảy lên xe điện, lập đập nhảy theo giật được đứa nó lại. Cố lèi kiêm được con, và sợ mất gói đồ để lại ga, nên người mất con không lo bắt người dân bà ăn cắp con mình kia, đê người ấy di tuốt thật uổng.

⊗ Một trận lửa đốt rụi 21 cái nhà lá ở Long-kien.

Hồi 10 giờ tối thứ bảy 31 Décembre, một trận lửa thiếp lên cháy xóm nhà lá ở Long-Kien ngay bên đò (Cần-giộc) rất dữ tợn.

Thiên-hạ kêu la cầu cứu một lát mồi có vòi rồng tới nơi cứu chữa. Lửa đã thiêu rụi hết 21 cái nhà lá của đám dân nghèo, nhưng cũng may là không thiệt hại đến tính mạng của ai hết.

⊗ Bị án tù ở Phan-rang, vào Saigon được tha bổng.

Hôm nay M. Hồ-dặng-Hoàn đem một gói đồ đi gửi cho xe-hơi, kể có linh Thương-chánh ở Phan-rang lại bắt cả người và đồ. Xét ra gói đồ ấy có 11 kilos thuộc phiện lậu và Hoàn khai là minh ở đậu tại nhà người anh em là Nguyễn-thái-Liệu.

Linh đến xét nhà Liệu, chẳng có chi hết, nhưng Liệu cũng bị lôi ra tòa như Hoàn, giam trót mấy tháng trời, mới đem ra xó. Kết quả: Hoàn và Liệu bị án 3 năm tù, 4.000 quan tiền và 23.762\$ tiền bồi thường thiệt hại cho sở Thương-chánh.

Tòa Công-sứ tỉnh Phan-rang làm án Hoàn và Liệu như thế thật nặng nên hai người bèn chống án vào Saigon và cậy Trạng-sư Trịnh-dinh-Tháo bào chữa.

Mới rồi Tòa Saigon đem vụ ấy ra xó. Trạng-sư Thảo đem hết tài hùng biện của mình ra mà biện hộ cho Hoàn và Liệu một cách rất sốt sắng.

Sau khi nghe lời Trạng-sư Thảo cải, Tòa cũng xét thấy Liệu là người vô tội và Hoàn cũng chẳng phải là người gửi đồ có á-phiện lậu, chẳng qua là lính bắt lén đồ thôi, nên Tòa liền tha bổng Hồ-dặng-Hoàn và Nguyễn-thái-Liệu.

Ông Nguyễn-háo-Ca Bác-vật sở Cảnh nông Nam-kỳ có gởi cho Bồn-báo một bài nói rõ về các thứ sâu bọ làm hại cho lúa và chỉ cách bài trừ, nhưng vì kỳ này bài vở đã sắp rời trước đặng rộng ngày giờ lo sô mùa Xuân nên không thể đăng kịp bài của ông Nguyễn-háo-Ca. Vậy xin quý độc-giả, mà nhứt là các nhà nông nên chủ ý đến xem mấy số tời sẽ có bài ấy.

Cứ thử mà coi

Ai đã dùng dầu HÒI-THIỀN đều công nhận rằng là thứ dầu tốt nhất trong các thứ dầu đặc đê phòng bệnh trị bệnh.

Dầu HÒI-THIỀN chế-tạo tại hiệu KHUYNH-DIỆP là một hiệu dầu đã nổi tiếng mấy năm nay, đã được bà-con hết lòng tin-thanh và đã giyt được không biết bao nhiêu là giải-thưởng trong các cuộc đấu-xảo kỹ-nghệ, khoa-học ở xứ ta và ở bên Pháp.

Mua bán, làm Đại-lý, gởi thơ cho : M. VIENN-DE

- Distillateur d'essences végétales à HUẾ

Tại hiệu VIENN-DE có nhiều món hàng khác, toàn là thứ hàng bán hết sức chạy mà có lời nhiều.

(Dịch truyện Tây)

ĐÒ'I CÒ ĐĂNG

(Tiếp theo)

Cô muốn một cái nhà lầu, cũng như một đứa con cưng muôn con hình nhỏ hay một cái bánh vậy.

Song Đào-Danh tuy cô đòi xài số tiền to quá nên cô ý ngắn, nói lơ-là rồi bỏ qua; cô mới toan liệu cách nào đặng làm cho chồng xiêu lòng mà ưng thuận cô mới nghe.

Bởi cô là dân-bà nên, buổi chiều kia, cô đã nghĩ ra chyện:

Cô thật hành ngay....

Mấy hôm sau này, ngoài ra giờ làm việc, Đào-Danh cứ lẩn quẩn ở nhà gần gũi vợ hoài; coi bộ gia đạo vui vẻ như lúc ban đầu; Đào-Danh chịu di kiêm cho được đều mà vợ ao ước.

Và chẳng phải khờ khạo gì. Chính mình và cũng nói thầm rằng Tuệ-Lý dùng cách xảo, cho ra ít mà thâu vồ nhiều. Song quí hồ là vợ biết học ngôn hay đê làm cho va « say xưa » vì tình thi xin chí cũng được.

Trong nứa tháng đã có cái nhà lầu !

Ấy vì nhờ dịp bà chủ nhà ấy là Âu-quai-Liên, một cái sắc khuyễn thành, một cái ngói sao lò-rạng trong đám bình khang mới dứt đường nhơn nghĩa với người bảo bọc cô là bà trước Van-Tai, nên cô phải mất vừa ăn-tinh, vừa mẩy triệu bạc.

Ngoi mình đã lớn, nhuyn gần rữa, hoa gần tàn, khó chắc đều phản bạc duyên may, nên cô bán nhà dặng thâu mờ vỗn. Nhà đó ở đường Lê-be, thật là một chỗ ở chẳng kém của mấy vị nữ hoàng có thể đem lời của một nhà thi nhân mà nói rằng nơi đó « đêm đêm vàng bạc, ngày ngày gấm thù » vậy.

Đào-Danh chụp lấy dịp liền. Với số tiền ba triệu quan và được chủ-quyền cái nhà lầu ấy và một mờ bà i ghê. Còn lại bao nhiêu với những bình, chậu, tranh, tượng đều bán.

Lần đó, nào thơ hồ, thơ mộc, thơ sơn, tựa lại làm trong ít ngày thì cái nhà trở nên mới, đẹp thêm lên.

Tuệ-Lý định ăn một cái lè tần già thế nào cho dù cả quê khách ở Ba-ri.

Đào-Danh chịu liền. Va mời tình với Mã-Lợi đê mở cuộc mǎn ău to ra một cách lạ thường. Ấy

vậy, lúc này rất phải hồi phô-trương sự phú-hảo của mình cho thiên-hạ xem dặng biết cái tư-bồn vững vàng và cái thế lực của mình. Thấy cách xài-to-tướng, mà chỉ có tay vạn-hộ mới dám thôi, thi ai còn nghi ngại chi mà chẳng xách vàng đến đỗ thêm vào tủ mình. Cách làm quãng cáo ấy hay lắm.

Trong một tuần lễ, hai vự chồng bàn-bạc cã ngàn đều phỏng-định về cuộc tâu-gia, đều náo cung mŵc-mô.

Rồi thi kéo thợ làm mản, khâm, thợ chưng, tài-tử, kép hát mà thương-nghị, tìm ra đều súc-sảo, tân-kỳ.

Đào-Danh còn lo nhiều hơn vợ nữa.

Rốt, thiệp mời đã gởi khắp kinh-thành, định ngày chùa nhựt mừng tam tháng sáu là ngày hì-hạ.

Cũ Ba-ri sẽ qui-tu lại đây.

HỘI THỦ MUỜI HAI

VIẾT NHƯỚNG TRÌNH

— Cõi của tôi không, chủ An-Phong ?

— Thưa không, kỳ tho trưa này không có gì hết.

Người hỏi trước đó là Đỗ-Liệt. Viên cựu-thợ kỵ của Mã-Lợi, hiện nay đã nổi danh là tay viết bão đại tài.

Viên phu-bút trẻ ấy đương bước lên thang lầu của bão-quán mà đến phòng việc.

Tờ « Bari tuân-báo » này đây, tuy mới lập ra đó vài năm nay, song rất được hoan-nghinh trong hàng phong-lưu và hàng người phuong-phô, nỗi tóm lai là cũ thay người kinh-thành... muốn nói là da-số lâm hay thiểu-số lâm cũng được.

Đa-số, là vì rất ít người chịu nhận rằng mình không phải thật dân kinh-thành, miềng là chiều chiều họ có thũ rêu theo lè đường đặng lóng nghe cã ngàn chuyện xâm-lấp mà người ta hay đỗ đỗ lai trong giờ đó.

Thiểu-số, là vì thời người kinh-thành, ta ít gặp lâu. Muốn phân biệt họ thì phải rõ căt tinh lỏi và

HÃY HÚT THUỐC JOB

tật xấu của họ, cách ăn mặc vừa lịch-sự, đúng-dắn, vừa có vẻ so-sài; khuôn-mẫu của họ là dung-nghi của Banh-dắc, An-ri Mô-nhê, Bai-dơ-trông, La-huơ-dăng vân vân... (1)

Kể từ Rách-ti-nhắc, Mạt-sây, Mắc-xiêm-dà-trai, (2) thì người Ba-ri đã tàn-tiến nhiều; song, nếu cái sở-thích của họ có làm ra nhiều kiêu-mới và lạc-thú mới, cái tật cần phải nói-hành của họ vẫn y như cũ.

Ấy vậy, một kẽ tao-nhơn mặc-khách nào mà hằng ngày lai vãng trên khán đường từ nhà hàng Thái-binhh tới nhà-hàng. Tề-tưởng, thì luôn luôn khao-khát câu chuyện thời-sự nói về tánh-nết của một người đàn-bà, hoặc việc lôi-thoi của đức vua nào trong thời đó.

Bồ-Liệt, bắt đầu vào viết báo đã hiểu đều ấy; chàng lại có tài phê-bình thanh-nhả, nên nhới cái tật của dộc-giả mà đặt nhiều bài khéo cho bô thict-hap lâm.

Chàng cũng có khi bao-biếm, có hơi ác mội chút, song chẳng hề chịu nói oan.

Chàng bẽ chàng lịt-dụng ngồi viết dặng tòan-nhưng đều không dặng tinh-khiết, hoặc vu-hại dặng cầu-lợi; cái bồn-lanh hiền-hậu, cao-trực của chàng khó thể deng cho chàng mấy đều ấy. Biết-dặt ra chuyện lão-xược dặng khen người không xứng-dáng, làm nhục người vô-cang, hầu nịnh-hót, hâm-dọa cho có tiền, xoi-bói người vô-cớ cho dã chát-thù-vật, mấy đều ấy chàng hèn-ha lầm sao?

Nhơn một bài cũi Bồ-Liệt viết về nỗi khổ trong việc chánh-trị ở nơi bán-dảo kia, cái bài nó làm cho hạng-trí-thức khen tác giả lắm, ông tổng-lý « Ba-ri tuân báo » mới rõ tài đức chàng.

Khi tôi lời khen-mừng xong, ông tiếp:

— Bài ấy đã hay lắm rồi, sao thầy không huống

(1) Balzac, Henry Monnier, Pailleron, Lavedan.

(2) Rastignac, Marsey, Maxime de Trailles.

THÊU MÁY!

Lành-dạy thêu máy.

Có bán đủ đồ phụ-tùng về thêu máy (chỉ màu, bàn cẩn, vân vân.)

Mme Trương-vân-Huân, 200 rue d'Espagne - Saigon

BÁY HÚT THUỐC JOB

tay thảo luon một câu chuyện về tinh-sử của bà quận-công? Thiên-hạ đều biết bà ta dày-dạn lâm mà!

Bồ-Liệt đáp:

— Dạ phải, thiên-hạ đều biết, song không chắc rằng thiên-hạ họ chẳng lầm. Tánh của tôi, tôi không chịu tin lời đồn-dãi.

« Thưa ông, ông còn thấy nhiều hơn tôi nữa: người đời vì tật-dỗ mà thường ở ác quá! Bà quận-công đẹp, có thể làm cho người ta càng trông rõ mặt càng ngày-ngất lồng; dùi bờ-thế bà dã sa-súc song bà vẫn vui; cái tánh vui của bà có thể xem như một hình-thức của sự lang-chạ; song đều đó chưa chứng dù rằng bà xấu nết! »

(Còn tiếp)

HÁY HÚT THUỐC JOB



THUỐC XÔ CHIM-ÉN

mỗi hộp giá 0\$25 luon
luon có dè giấy thường
đà từ 5\$ đến 30\$ mùi
thơm; dè uống, xô êm,
không ngọt, bùi ti-vi, lay
sạch đậm đặc trừ tuyệt nhiều chứng rất hiểm nghèo.

Thổ thuốc chữ A của hiệu CHIM-ÉN khắp cõi Đông-Pháp ai ai cũng biết nó hay là vô cùng, đại tài trị những chứng ác nghiệt quá ghênh như: thổ huyết, sưng ra huyết, xanh xao kém huyết (dau máu bình hàn), xích bạch đái hàn (huyết bạc). Kinh nguyệt không đều đường kinh lạnh hay đau bụng, tức, biến nhiều chứng đau khổ, phụ nữ huyết bình sanh ho, nhức mỏi, uống nó hay lâm, tái tinh bò huyết bò thận, bình Tứ uống vò khói cõi hết liền, ông bà lớn tuổi uống nó ăn ngủ rất ngọt khói phải đau lưng mỗi giờ ho hen chí hết, người không con hoặc hay hư thai cũng nhờ có thuốc này mà sanh con bầy cháu lũ thiệt món thuốc già-truyền này hay như thuốc thần, danh tiếng kể đã trên trăm năm, thuốc đà lâu càng quý, mỗi nhà có súng 11 thố tối lâm, mỗi thố giá 1\$50 uống được bảy tám đêm.

Thuốc xô và thổ thuốc chữ A nếu không thán hiệu như lời, tôi xin huồn tiền lại.

Saigon mua tại Alphonse Dông góc chợ mới, có bán lẻ khắp nơi, các nhà trùm bán nhà thuốc có giao cho mười ngàn tờ quang-cáo in sẵn tên chò ở cửa nhà trùm bán dùng hết giờ tiếp luon luon, muôn hồi đều chi xin nhờ đà có trả lời; mân-da và thợ xin đà ngay cho: M. NGUYỄN-VĂN-TÔN chủ nhà thuốc CHIM-ÉN (Cochinchine) à CÁI-NHUM

HAI NGÔI SAO ÁI TÌNH

(Tiếp theo)

Ngô-quê-Thành an hưởng hạnh-phúc gia-dinh chẳng được bao lâu thì cô tư Son lại từ trần. Con Quê-Anh mới vừa 2 tuổi.

Cô tư Son chết, Quê-Thành vật vã khóc than, thương tiếc vô cùng, bởi vì nhớ cô mà mấy năm nay vợ chồng Quang-Viên hết giận chàng, lại thương yêu trù cắp tiền bạc cho chàng xài nữa.

Vợ chồng Quang-Viên cũng thương hại cho thân phận Quê-Thành vô doan xấu phước. Gặp được một người vợ hiền, Quê-Thành lại không được làm bạn trăm năm, kết tóc đến già, thật là uổng quá. Quang-Viên nói:

— Cái số tháng Quê-Thành không thể nào khá được. Vợ nó chết, tôi chắc nó buồn rầu rồi trở lại con đường cũ. Minh coi, trước kia nó là một tháng hoang-dàng, không ai nói nó nghe, không ai dạy nó được, thế mà từ ngày nó ở với thím nó, thím nói gì nó nghe nấy, nó đổi hết tánh tình, đến tôi cũng phải khen nó.

« Con người ta ở đời, đâu say mê chơi bời thế nào, cũng có lúc tĩnh ngô, muốn trở lại con đường ngay thẳng. Quê-Thành là đứa có lương-tâm, lúc nó cưới được thím nó, chính là lúc nó tĩnh ngô, muốn thừa dịp gia đình dầm ấm mà cải ác tùng thiện, nhưng ông trời lại ngăn trở nó, khiến cho thím nó chết đi, gieo cho nó một sự buồn rầu vô tận, tôi chắc thế nào nó cũng phải hoang-dàng lại nữa. »

Kiều-Nga cũng nói:

— Nếu mình có sợi như vậy thi phải an ủi chủ, rán kiếm cho chủ một người vợ khác để lo công việc nhà cho chủ khỏi buồn rầu mà chơi bời lai.

— Tôi cũng tinh như vậy, thế nào tôi cũng phải lo ngăn ngừa cho nó khôi vì sự buồn rầu mà trở lại dâng cũ.

Vợ chồng Quang-Viên thật có lòng thương em út và lo lắng cho em út nhiều lắm.

Em đâu chết, vợ chồng Quang-Viên lo chôn cất rất tử tế, hao tổn đến năm bảy trăm đồng bạc mà cũng không biết tiếc tiền. Khi chôn cất cô tư Son rồi, Quang-Viên lại còn an ủi Quê-Thành, và bảo Kiều-Nga đem con Quê-Anh về nuôi, cũng như lúc vợ chồng Khắc-Minh từ trần, cô đem con Kim-Anh về nuôi kia vậy.

Theo thế thường thiên-hạ, nếu rỗi vợ mình chế sớm đẻ con nhỏ lai, anh chị giàu có bắt cháu đem về nuôi, thi chắc ai cũng phải mừng rộ lung lẩm. Nhưng Quê-Thành lại khác hẳn!

Cái sự chàng cảm hờn Quang-Viên và vợ con Quang-Viên lâu nay, chàng vẫn còn ôm ấp mãi trong lòng chờ chưa rửa sạch. Lúc nào chàng được yên thân, vui vẻ, thi chàng bỗ dẹp nó lại một bên, hình như không có một chút ác cảm gì với anh chị chàng hết, nhưng đến lúc tâm sự ngắn ngang, buôn râu dồn dập, thi chàng lại oán hờn anh chị, kiềm thế làm khờ tâm cục tri cho anh chị chàng mãi.

Quê-Thành không khi nào chịu gởi con Quê-Anh cho Kiều-Nga nuôi giùm. Thuở nay chàng ghét Kiều-Nga, nói tại Kiều-Nga kẻ vạch với chồng, nên Quang-Viên mới giận chàng, làm hại chàng dů cách.

Lúc cô tư Son còn sống, có nhiều lần Quê-Thành trách móc anh chị, nhưng đều bị cô tư Son can ngăn khuyên giải êm hết. Cô chẳng những không cho Quê-Thành phiền trách anh chị, mà cô lai còn kiềm lời khôn lě khéo binh vực cho vợ chồng Quang-Viên, làm cho Quê-Thành phải nhận mình có lỗi, rồi trở lại thương yêu kính trọng anh chị tất tình.

Hôm nay cô tư Son đã chết rồi, không còn ai phản đối phải trai cho Quê-Thành nghe nữa, thi đời nào chàng lại chịu giao con Quê-Anh cho Kiều-Nga nuôi đâu. Chàng nói với anh ruột :

— Anh chị có lòng thương con nhỏ tôi, tôi đợi ơn nhiều lắm, song có lě nào tôi gởi nó cho anh chị cho dành. Vợ tôi mới mất, nhà cửa lạnh tanh, tôi đương nhớ thương rầu buồn vô hạn, may nhờ có con Quê-Anh, thấy mặt nó, chơi giòn với nó cũng khuây khỏa nỗi sầu đôi chút.

« Nay nếu tôi gởi nó cho anh chị, thành ra nhà tôi không còn ai hết, tôi đi đâu về buồn hiu, tôi lai

HÁY HÚT THUỐC JOB

phai bò nhà mà đi nữa, có phai là thiệt hại cho tôi lắm không?

« Không, anh chị có lòng thương cháu, tôi mang ơn, chờ không thể nào tôi rời nó ra được. »

Biết ý Quê-Thanh không tra vợ chồng mình nên kiém cờ mà từ chối, Quang-Viên cũng giận lùy nên nói :

— Cái đó là tuy ý em chờ anh không dám ép. Thấy em đơn chiet, sợ em mặc di chò này chò kia, không thể châm nom sảng soc cho con Quê-Anh được, nên anh moi tinh dem nó về bên nua cho sáp nhô giữ va bac nó coi chứng.

« Em không chịu thi thoai, nhưng anh khuyên em một điu ia khong nên di chơi luôn tuồng ma bỏ con Quê-Anh, khong dom ngó đến nó. »

Quang-Viên nói sơ như vay rồi về, từ ấy trở di khong tuém nhắc nhớ đến việc ấy nữa.

Ba thang sau, Quê-Thanh di ngày di đêm, khi cơ bạc khi nguyệt hoa in hét như các năm trước. Chàng phu that con Quê-Anh cho dura ó, no dài không ồ, rach lanh chàng biêt, khiển cho vợ chồng Quang-Viên trong thấy mà xot ruột đau lòng.

Có lần gặp Quê-Thanh, Quang-Viên vừa cười vừa nói :

— Bộ ở nhà chơi giòn với con Quê-Anh không vui hay sao nên qua thấy em cứ di chơi bời hoài vậy?

— Ôi! nó còn nhỏ xíu, có biết khỉ gì? Tôi thương nó lắm, song ai ở nhà mải với nó cho được. Nó đã không biết nói chuyện gì cho vui, mà mình nói nó cũng chưa hiểu gì hết. Nhà của tôi bây giờ buồn bức hơn hồi vợ tôi còn sống nhiều lắm.

— Vậy thì em hãy tính cưới vợ khác di cho có người bạn, sảng sóc con Quê-Anh và coi nhà coi cửa, lo cơm lo nước. Qua nói cho em biết, nếu em chịu biu quanh một mình không kham thì hãy cưới vợ phứt di, chờ nếu em không chịu cưới vợ mà cứ di chơi bời hoài thì qua phiền em lung lâm.

— Việc ấy anh hãy dễ cho tôi suy nghĩ lại một it lâu rồi mới có thể nhứt định được. Anh khuyên tôi như vay thiệt phải, tôi mang ơn anh vô cùng.

(Còn tiếp)

HÃY HÚT THUỐC JOB

VẬY MÓI TÌNH !

(Tiếp theo)

Cúc-Hương ôm chồng khóc nức nở, cô ba Song-Kim cũng lấy khăn chặm nước mắt.

Hữu-Phước gượng ngồi dậy, nhưng gượng không nổi, chàng nhăn mặt, nắm tay Cúc-Hương, nói mấy tiếng nho-nhỏ : « Tôi xin minh tha lỗi cho tôi » rồi chàng trợn mắt mà thắc!

Cúc-Hương khóc rống lên, cô ba Song-Kim cũng vật vã khóc than, thầy tư Lợi hết sức khuyên giải hai người mới hết khóc.

Biết cô ba Song-Kim là người thù của mình, là người có chịu một phần trách-nhiệm trong sự chết của chồng mình đây, song sự đã dĩ lở ra rồi, Cúc-Hương cũng chàng thèm ghen tương nỗi mẫn chí Song-Kim cho uổng tiếng. Cô cứ ngồi một bên chồng, khi khóc, khi suy nghĩ lấy thân phận mình mà đợi cho trời mau sáng.

Sáng bữa sau, Cúc-Hương đánh dây-thép cho ông Thanh-Nhàn, Hữu-Tâm, Văn-Anh và Trọng-Thiện hay tin chồng cô chết tại nhà-thương Chợ-rẩy. Một giờ trưa bốn người ấy lên tới, người lo mua hòm tàn liệm, người lo xin phép dem xác về chôn tại làng Phước-lê, Baria.

Chôn cất chồng rồi, Cúc-Hương trã phô, dọn hết đồ đạc về với ba cô, không nói rằng chỉ tôi cô ba Song-Kim mọi tiếng, mà cô ba Song-Kim hình như cũng chàng cần Cúc-Hương phải biết đến cô làm gì.

Hữu-Phước chết, anh em quen biết với chàng hoặc với Cúc-Hương dị nghị lung lâm. Người nói tại Hữu-Phước chơi bời quá độ mà bỏ mình, người nói cô lẻ cô ba Song-Kim thuốc chàng để theo một người tình-nhân nào khác, hoặc cướp đoạt một số tiền của Hữu-Phước gửi cho cô cái.

Văn-Anh cũng nghi ngờ như đám anh em của Hữu-Phước. Chàng làm thông-ngoan sở Một thăm, muốn dem cái tài dộ đám của mình ra mà tra xét vụ này, coi thiệt Hữu-Phước chết về bình hay là bị thuốc một cách kín đáo đến đồi Lương-y cũng không thấu rõ.

Cúc-Hương về đến Baria mấy ngày, chưa kịp gặp mặt Văn-Anh thì chàng đã xách hoa-li trở lên Saigon. Chàng tinh lên Saigon trước là tránh sự

gặp gỡ Cúc-Hương, sau là để dọ việc Hữu-Phước với cô ba Song-Kim luôn thè.

Văn-Anh ở trọ nơi khách-sạn Nam-kỳ trong hai tuần lễ, chàng di chơi luôn tuồng, như là chàng gần gũi với các « ngôi sao » thường lâm.

Nay Văn-Anh ở nhà cô này, mai chàng di chơi với cô khác, có nhiều anh em biết rõ tánh tình chàng, thấy chàng gần gũi với các cô giang hồ, lấy làm lạ quá. Thuở nay Văn-Anh không tra các cô ấy, nghe ai nhắc nhớ đến tên tuổi các cô, chàng còn chẳng muốn nghe, cứ sao ngày nay chàng lại say mê các cô như Tru-vương mè Đắc-Kỳ?

Tức quá, có người hỏi Văn-Anh, chàng chỉ cười mà không đáp lại.

Nửa tháng ở Saigon, Văn-Anh dọ được việc ấy rất rõ, mà khi dọ được rồi, chàng lại bắt ghê sợ cho cái lòng sâu xa dại độc của cô ba Song-Kim hết sức.

Gặp Hữu-Phước, cô ba Song-Kim đem hết tài khôn tri khéo của cô ra mà hầu hạ chàng, làm cho chàng say mê cô, không thể rời cô ra một ngày nào được. Bấy giờ cô mới khuyên Hữu-Phước đến hàng Bảo-kê nhơn mạng, bảo kê chàng 50 ngàn đồng, để cho cô dừng giấy, nếu ngày sau chàng chết về rủi ro hay về tật bệnh, cô cũng được lãnh số tiền ấy mà đường già. Cô nói với Hữu-Phước :

— Minh nói rằng mình thương tôi cũng như chị hai (tức là Cúc-Hương) thì minh cũng phải cho tôi một số tiền lớn nhỏ chi mời phái. Ở đời có ai biết trước được sự sống chết của mình đâu? Minh còn sống, minh bảo học tôi đến già, sự ấy đã dành rồi, nhưng rủi — tôi nói rủi chờ không phải tôi rủi minh — nhưng rủi minh chết trước tôi, minh dè gia tài sự nghiệp lại cho chị hai, chờ tôi là kè ăn cơm ngui, ở nhà ngoài, tôi có thể nào chia chát trong số tiền ấy được? Tôi nghĩ có cách bảo-kê nhơn mạng là hay hơn hết. Minh chết, chị hai

HÃY HÚT THUỐC JOB

ăn gia-tài, còn tôi lanh số tiền bao-ké, như vậy hai chị em chúng tôi đều có một số tiền riêng để nuôi thân, khỏi phải bơ vơ dối khát.

Nghe nói cũng có lý, và lại đang lúc say mê, Hữu-Phước liền làm ý theo kế của cô ba Kinh-ly đã bày ra đó.

Hai người dắt nhau đến hằng Bảo-ké Việt-nam lam giấy tờ, Hữu-Phước là người đóng tiền, còn cô ba Song-Kim là người lanh tiễn sau khi tên Võ-hữu-Phước chết !

Từ ngày bao-ké trả đi, cô ba Song-Kim lại khéo chịu chuộng Hữu-Phước gấp trăm ngàn lần trước. Cô bày cho chàng hút á-phiện, hit cocaine, dắt dẵn chàng đi chơi đêm nào, cũng tới sáng đêm nấy. Cô lại tính một mình cô không thể làm cho Hữu-Phước say sưa mè mệt được, cô bèn mướn chị em ban của cô, toàn là tay sắc nước hương trời, hoa cười ngọc thốt, mồi đêm một cô, luân phiên nhau mà hầu hạ Hữu-Phước.

Một người chồng với mười người, dầu Hữu-Phước là đàn ông, sức lực cũng không hơn mười người đàn-bà đặng. Ban đầu chàng xanh, ốm, sau chàng mệt nhọc, rốt cuộc sức cùng lực tàn, một

trận gió thôi qua là cây dai thọ ngã !

Hữu-Phước lao tâm lao lực mà chết, cái chết tự nhiên chờ không phải bị ai thuốc hết. Cô ba Song-Kim đến hằng Bảo-ké lanh 50 ngàn đồng, mua nhà mua phố, làm một bà nghiệp-chủ nho nhỏ ở đất Saigon !

Văn-Anh dọ được việc ấy, chàng thương hại cho Hữu-Phước thi ít, mà chàng tội nghiệp cho Cúc-Hương thi nhiều. Một người tài sắc khôn ngoan như Cúc-Hương, sao rủi lại gặp một người chồng vô tâm vô tình như Hữu-Phước vậy ?

Cô là người hiền đức, cô là người biết kinh trọng chồng, nhưng cũng vì sự hiền đức, sự kính trọng chồng thời quá ấy, mà cô dễ cho người ta cướp đoạt cái ái-tình của cô, bán đứng chồng cô 5 muôn đồng bạc, thiệt cũng thảm lắm.

(Còn tiếp)

HÃY HÚT THUỐC JOB

DẦU TÙ-BI hiệu con Trí

Tên dầu Tù-Bi và hiệu con Trí đã cầu chứng tại Tòa Saigon ngày 18 Décembre 1922 và đăng trong Quan-báo Paris năm 1923.

Dầu Tù-Bi là một thứ dầu rất thần hiệu ra đời đã 13 năm nay. Số người dùng dầu Tù-Bi càng ngày càng nhiều thêm cho nên từ đây chúng tôi có đặt Đại-lý trong các tỉnh thành lớn kê sau đây :

Các nhà Đại-lý dầu Tù-Bi :

PNOMPENGH : Huỳnh-Trí, Rue Ohier Id. Huỳnh-Hữu, 14, Rue Dela-	BENTRE : Vǎn-Vǎn
porté	RACHGIA : Nguyễn-ngọc-Thái
HUẾ : Quan-Hải Thơ-quán	THUDAUMOT : Nguyễn-tấn-Xương
TOURANE : Lê-thừa-Ân	BIÊNHOA : Dương-tấn-Thân
HANOI : Nam-ký Thơ-quán	GOCONG : Thái-ngọc-Bình
CANTHO : An-hà Ân-quán	BACLIÉU : Định-Song
CHỢLỚN : Võ-dinh-Dân	VINHLONG : Nguyễn-thành-Liều
SADEC : Võ-dinh-Dinh	CHÂUDÔC : Công-nghia-Thành
	MYTHO : Hà-phẩm-Chất

Giá bán lẻ khắp nơi mồi ve 0 \$ 30

Quí vị ở xa xin mua nơi mày nhà Đại-lý trên đây còn ở Saigon Cholon Gladinh thì mày nhà buôn Annam và mày hiệu café Đức-thanh-Hưng đều có bán.



Déposé en 1922



THAY CỦ ĐỔI MÓI

Hôm nay còn không mấy bùa nữa là hết năm Nhâm-thân bước qua năm Quý-dậu : trong chúng ta mỗi người đều mất hết một khoảng thời-gian 365 ngày của kiếp sống ngắn-ngủi của mình, mỗi người đều phải thọ lánh thêm một tuổi tròn nữa.

Mỗi ngày một lớn, mỗi năm một tuổi, trong lúc mọi người ở chung quanh mình ta đang rộn rực lo việc Tết nhứt mà vui mà buồn với nhau, tôi đây cũng có lòng lo lắng. Không phải tôi lo ăn Tết, mà tôi lại lo tuổi nhiều : tôi sợ tuổi tôi vậy !

Tôi nhớ lại năm nay tôi làng phi thi giờ của tôi một cách vô lỗi quá, mà trong các bạn, chắc cũng có nhiều trò làng phi ngày giờ như tôi.

Người ta nói một lắc bóng một lắc vàng (nhứt thốn quang-âm nhứt thốn kim) ; người ta cũng nói ngày giờ là tiền bạc (le temps c'est de l'argent) thế mà ngày giờ nó qua mau như chim bay tên bắn, các bạn có làm việc gì hữu ích cho cha mẹ, cho các bạn, kịp với ngày giờ ấy chẳng ?

Trong một năm qua rồi, sự học hành của các bạn có tốt tồi, các bạn có được lên lớp trên, đầu óc các bạn có mở mang thêm chút nào chẳng ?

Các bạn tuy hây còn non lòng

Đàn bà có râu

Nếu ở nước nhà ta mà có người đàn bà nào có râu thì chắc ai cũng cho là lạ lùng. Nhưng bên Pháp, về tỉnh Lot et Garonne đàn bà có râu lại là một sự thường.

Phản nhiều đàn-bà họ đê râu hoặc dài hoặc vẫn theo như kiểu đàn-ông vậy. Có cô râu ria xóm xám mà cặp tay với phu-quân mình mới cầm sát lèm không có sợi lông nào cả.



Hiện giờ tại Dolmayrac có hai người đàn-bà mọc râu giống inhết như đức giám-quốc Fallières và thủ-tướng Millerand.

Những người đàn-bà nào có râu như vậy thì tiếng tây kêu là Diabète ; vì họ hay bình hoan và làm mất vẻ đẹp thiên-nhiên của họ hết đi.

Các bác-sĩ đã kiểm coi bởi tại đâu mà đàn bà có râu ; nhưng mãi từ xưa tới nay các ông cũng còn đê một cái dấu hỏi (?) == D.R.



CÔ THO'-KÝ

của THANH-NGÓN

(Một căn phòng làm việc rộng rãi. Giữa có một bộ salon : phia sau, gần cửa có một cái bàn trên để cái máy đánh chữ. Kéo m่าน lên thấy Ông Phán, bà Phán, và Việt-Sĩ đang ngồi tại phòng.)

SCÈNE I

Ông Phán. — Hôm nay trời thật là tốt đẹp, tôi tinh di viếng chùa. Mẹ nó đi lay Phật với tôi không?

Bà Phán. — (day chồ khác trè môi, nói riêng một mình) Hừ! Phật ! Chùa ! Ngày giờ đâu lo chuyện bá-láp, dối dây không lô. (Nói với Ông Phán) Ủ... thời minh di một mình di, hôm qua tôi có gởi cho chị hai

Méo đem hương vào chùa dâng rồi ! Hàng đêm tôi có niệm kinh luôn.

Việt-Sĩ (day nói riêng). — Ủ, thiện-tâm lâm mà ! Nghe niệm chồ, sao không !... Nam-mô-a-di... Bà ngũ... Nam-mô-a-di... Bà ngũ ! (1)

Ông Phán. — Cũng dặng... A, mà minh bùa nay nấu đồ chay cho tôi dùng, nghen !

Bà Phán. — Bùa nay mười bốn, mai mới râm, minh quên sao ?

Ông Phán. — Thời ăn chay bùa nay thế ngày mai dặng mà ; bởi vì mai tôi phải di dự đám cưới thằng Lương-Sơn.

Bà Phán (ngạc nhiên). — Mả... a... mà hời này minh có ăn... hủ-tiểu rồi ! (Thảng Tèo xô cửa vò).

Tèo. — Thưa bà, có cô nào đó muốn nói chuyện với bà.

Bà Phán. — A, chắc là cô Bạch-Yén đến xin làm thơ-ký cho hàng minh. Minh di ra trước với tôi ?

Ông Phán. — Ồ, dàn-bà con gái thi tinh toán với nhau, tôi không biết tới. Tôi chịu phạt cho cô đó mỗi tháng ba-mươi đồng, nhưng chúa-nhựt cũng phải di làm việc, vì thơ-tử nhiều lâm, cô phải đánh gởi di cho kịp.

Thôi tôi di chùa da.

Việt-Sĩ. — Tôi cũng di lên notaire hỏi cái acte hôm trước đó.

(Ông Phán và Việt-Sĩ đi. Cô Bạch-Yén vò tóé).

SCÈNE II

Bà Phán. — À, xin lỗi cô, tôi tinh ra tiếp cô đây. Mời cô ngồi.

Bạch-Yén. — Thưa, chị Ba cháu ở trên Saigon có

(1) Phải nói « Nam-mô-a-di » cho thật le rồi ngưng ngang doan nói tiếp « Bà ngũ, Bà ngũ » to lên, vừa gắng giọng « Bà ngũ rõ chồ dung-ý trong chữ « Bà »). — T. N.

gởi theo dây cho bà một bức thơ. (Trao thơ). Nhờ bà rộng lượng thương giùm thân phận cháu.

Bà Phán (Giọng người rất tú-bi). — Ủ, tôi hiểu, cô hãy an tâm về đó. Tôi thấy mấy cô gái di làm việc tôi thương lâm, giúp đỡ cách nào là tôi giúp ngay.

Bạch-Yén. — Tuy nói di xin sờ làm chồ cũng khó mà tranh chồ lại với dàn-ông lâm, thưa bà. Đời khô lâm, bà ôi !

Bà Phán. — Ủ... nên Ông Phán nhà tôi bảo tôi trả cho cô bằng số lương với thầy ký đã thôi, nghĩa là mười-hai đồng mỗi tháng. (Cô Bạch-Yén giục minh, nhưng bà Phán không thấy kịp). Song tôi vốn người hay làm phước, hay cúng chùa, tôi ăn chay, tôi niệm Phật...

Bạch-Yén (gặt đầu một cách rất cung kính). — Dạ.

Bà Phán. — Nên tôi lén Ông Phán nhà tôi mà cho cô lãnh mười-lăm đồng. Song cô đừng cho Ông Phán hay ai khác biết da, tánh tôi không bao giờ chịu khoe-khoang những điều đều phước-thiện của tôi lâm.

Bạch-Yén (gượng). — Dạ, cháu dội ơn bà.

Bà Phán. — Thời, tôi mặc việc lâm, cô hãy coi thơ-tử nào đó đánh xong di rồi Ông Phán về sẽ ký tên.

Bạch-Yén. — Dạ, cảm dội ơn bà, bà cứ để mặc cháu liệu.

Bà Phán (Đi lại cửa, nói riêng). — Vậy mới gó công, dung, hạnh... Ngôn chồ ! Sơ sơ chút mà lợi dặng mười-lăm đồng. Đầu tiên đánh it ra cũng hai sòng xô-hô. (Ra). (Cô Bạch-Yén đánh máy dặng một chập, kể lấy. Việt-Sĩ và, mặt ngó chừng đáo dat...)

SCÈNE III

Việt-Sĩ. — Thưa cô hai.

Bạch-Yén. — Chào thầy ; thưa thầy, em thứ năm.

Việt-Sĩ. — Cô năm tôi Nam-vang hồi nào ?

Bạch-Yén. — Dạ, dặng hơn tuần nay.

Việt-Sĩ. — Chẳng dám nào cô năm cho tôi biết nhà cô năm ở đâu có dặng ?

Bạch-Yén. — 9, Boulevard Doudart de Lagrée.

Việt-Sĩ (Day chồ khác, ra vẻ ráo nhò vừa nói riêng một mình). — 9... 9... Boulevard Doudart de Lagrée ... 9... 9... 9...

Bạch-Yén. — Thưa thầy, thím di đâu vắng ?

Việt-Sĩ. — Cô năm nói thím nào ?

PHU NU TAN VAN

Bạch-Yén. — Thím là .. thím, thím là vợ thầy đó. (Hơi sương nét mặt).

Việt-Sĩ. — Ah, jamais, jamais, cela. Tôi là người thờ chủ-nghĩa độc-thân mà. Còn cô năm thì sao ?

Bạch-Yén (mặt tõ vê thảm-sầu). — Thầy có phước quá. Riêng em xin thú thật cùng thầy em mang chẳng biết bao nhiêu nỗi khổ-tâm thiệt-thời chất chứa nơi cõi lòng cũng bởi việc nhơn-duyên.

Việt-Sĩ (gặt đầu). — À a a a a....

Bạch-Yén. — Ở Saigon cũng có lâm nơi gầm ghé muôn kết duyên trăm năm với em, nhưng bởi chưa gặp người tri-kỷ, người mà giọt máu cùng nhãy một nhịp với quả tim em, nên em... (Ra vê ráo kiêm chữ cho « kêu »).

Việt-Sĩ. — Nên sông Ngân còn đợi kẻ bắt cầu Ô-thước. (Nét mặt phát hanh-hoan).

Bạch-Yén (Cười duyên). — Cảnh nǎo nuốt thê lương, khuê-phòng chich bóng, đời em khô lâm di thầy. Nên em di làm cho khuây-khôa tẩm lòng.... Lại phần mối nợ ... (thẹn).

Việt-Sĩ. — Ủa, cô năm có nợ nứa sao ? Mà cô năm thiểu bao nhiêu ?

Bạch-Yén. — Thưa bấy-mươi đồng, mà chiều nay phải trả tất, vì em đã hẹn nhiều lần. Em tính đợi Ông Phán về mượn đở một trăm đồng, như không dặng chắc em phải.... trốn.

Việt-Sĩ (Ra chiều ngoan, nói lầm bầm). — Bấy mươi đồng... soixante-dix piastres, moins cent piastres, il reste trente. (Chắc lười như lắc gi lâm).

Bạch-Yén. — Dạ thưa thầy, chẳng dám nào em nhờ thầy....

Việt-Sĩ. — Được, được, tôi sẽ giúp cô năm. Trong nứa giờ trả lại sẽ có đủ số bạc cho cô năm ngay. Kiểu cô năm.

Bạch-Yén. — Dạ không, em đâu dám, em nhờ thầy là nhờ....

(Việt-Sĩ đã ra khỏi cửa, vừa khi Ông Phán về tới, thấy cô Bạch-Yén, dòn dáo-dát xung-quanh....)

SCÈNE IV

Ông Phán. — Chào qui-nương.

Bạch-Yén (Đứng dậy chấp tay cúi đầu). — Dạ, thưa Ông.

Ông Phán. — Coi, ngồi, ngồi di mà. Qui-nương gọi tôi bằng thầy dặng rồi. À, mà qui-nương ngu hè-phang ?

Bạch-Yén. — Thưa, ông nói gì cháu nghe chưa rõ ?

Ông Phán (Giọng nhõng-nhéo, mon-tròn). — Nứa, người ta bảo gọi thầy mà cứ kêu Ông hoài he. Tôi muốn biết qui-nương ở đâu ?

Bạch-Yén. — Em ở tại đường Doudart de Lagrée, số 9.

Ông Phán. — Qui-nương ở một mình chờ ?
Bạch-Yén. — Dạ phải. Chẳng hay thầy có việc gì dạy bảo em ?

Ông Phán (Hỏi then). — Ông... hỏi cho biết vậy mà ! (Hai người lặng thinh một chập)

Ông Phán. — Cô chưa có đôi bạn, ở một mình buồn quá chờ hờ ?

Bạch-Yén. — Dạ.

Ông Phán. — Cô không lo tinh việc vợ chồng sao ?

Bạch-Yén. — Than ôi ! Thân em như bèo bối, ba chìm bảy nồi, cảnh đoạn-trường hối ai có can hiều giüm. Đất Saigon là bể trăm-luân của em : hai phen bị phường mèo mă gà đồng lường gạt, họ uốn ba lát lưỡi mà đánh lừa thân gái. Em oán, em hận bọn trai lâm, bọn họ toàn là già dối....

Ông Phán. — Ủ....

Bạch-Yén. — Nên bấy giờ đây, ngón đòn đà lơi nhịp, em chỉ mong mỏi trao chút nén hương tàn cho kẻ cùng làm cảnh khô-lâm như em về duyên phận.

Ông Phán (Han-hoan, giọng dẽ). — Phải mà, tui trai già dối lâm...

(Hai người lặng thinh một chập)

Ông Phán. — Đi làm việc mà lại đánh máy như cô đây cực quá cô hờ !

Bạch-Yén. — Dạ... nhưng đã nghèo hèn lại mang nợ nần nên phải di làm chờ biết sao giờ.

Ông Phán. — Cô thiểu bao nhiêu ?

Bạch-Yén. — Thưa, bấy-mươi đồng, mà chiều nay nếu không trả thời chũ nợ sẽ kêu trường-lòe đền, vì em đã hẹn nhiều lần quá rồi... Khô lâm thầy ôi, nên em tinh nói với thầy...

Ông Phán. — Ồ dặng, dặng mà. Tôi sẽ giúp cô... (Từ sau hảng nghe tiếng bà Phán kêu : « Mademoiselle Bạch-Yén ! »)

Bạch-Yén. — Oui, Madame, me voilà ! (Cô Bạch-Yén ra sau, một lát bà Phán vò tóé).

SCÈNE V

Bà Phán. — Ủa, di chúa nào mà chưa dàv nứa giờ đồng hồ đã trả về.

Ông Phán. — Ủ... Viếng miếu Ông Tà.

Bà Phán. — Hừ !

Ông Phán. — Mẹ nó này...

Bà Phán. — Gi đó nứa ?

Ông Phán. — Tôi tinh gởi bên Tây mua hai bộ đđ, giá lối bấy-mươi đồng.

Bà Phán. — Cha chả, đđ gi mắt dù vây ?

Ông Phán. — Drap !

Bà Phán (Ngực). — Hừ, già mà còn diện !

PHU NU TAN VAN

Ông Phán.— È ! nói ai diện. Mùa lạnh gần tới rồi, ai chịu thấu.

Bà Phán.— Không có tiền.

Ông Phán.— Cũng cái mùng dò nứa he, dùng có lèn mặt bà da nghen ! Tiền tôi, tôi xài chờ.

Bà Phán (Giọng rất khóc).— Tiền ai ? Không có mà tôi, ai làm gì có tiền lập ra cái hàng này ? Ô, « thực lộc chi thê », khéo nói mà không biết mắc cở ?

Ông Phán.— Thôi, đưa tiền đây đừng tôi phát lương cho cô Bạch-Yến.

Bà Phán (Càng la lớn lên).— Lương gì mà phát trước như vậy ? À, Trời ôi, hèn gì... hèn gì...

Ông Phán.— È, mỏa biếu nin da nghen !

(Tiếng cửa mở, hai người nín, Việt-Si bước vào).

SCÈNE VI

Bà Phán.— Ủa, notaire làm acet sao mau rồi vậy

Viet-Si.— Dà... (Day qua ông Phán) À, anh Hai, nay giờ tôi trông anh về. Tôi muốn gửi trên Saigon mua vài vóc lanh may dò mặc. Hôm trước tôi có gửi cho anh một trăm, vậy anh đưa lại cho tôi bảy-mươi đồng.

Bà Phán.— Lành gi ? Tốt lắm sao ?

Viet-Si.— Lành Saigon tốt vô song.

Bà Phán.— Bảy giờ chưa có tiền !

Viet-Si (Nói với ông Phán).— Coi.... Anh Hai ! Sao vậy ?

Ông Phán.— À, mẹ nó nói nghe chướng quá, tiền của em nó gửi thời phải đưa lại cho nó chờ.

Bà Phán.— Mà tôi nói chưa có tiền !

Viet-Si (Hơi nản nở).— Tôi nghiệp chị Hai à ! Tôi nói thiệt : tôi đã hứa cho cô Bạch-Yến mượn số bạc ấy lờ rồi, ngày nay phải có.

Bà Phán.— À, Trời ôi, hèn gì... Anh cũng như em, em cũng như anh.

Viet-Si (Gây).— Này chị Hai, tiền tôi gửi cho chị, chị cứ trả lại cho tôi. Tôi làm gì chị không dặng phép nói tới da !

Bà Phán (Ngóe ngoắt dí ra sau, giọng nói còn nghè rang rỉa).— Hèn gì... Nhục chết, cái bọn đê xóm !

SCÈNE VII

(Ông Phán và Việt-Si ngồi nói, lặng thinh ; có sẵn viết chí trong tay, ngẫu nhiên hai người cùng viết như nhau trên tập giấy của mình : « Mademoiselle Bạch-Yến, 9 Boulevard Doudart de Lagrée... 70 piastres... »

Cứ viết bấy nhiêu mai, một chập ông Phán döm thấy trên tập của Việt-Si, Việt-Si cũng trống sang tập của ông Phán, rồi cả hai chung hưng...

Ông Phán.— Mademoiselle ?...

Viet-Si.— Bạch-Yến ?...

Ông Phán.— 9 Boulevard Doudart de Lagrée ?...

Việt-Si.— Bảy-mươi đồng ?...

Ông Phán.— Té ra mày cũng...

Việt-Si.— Thế thi anh cũng...

(Tiếng cười khua lớn, bà Phán trở vào, nét mặt giận dữ).

SCÈNE VIII

Bà Phán.— Thôi rồi, xui xéo lầm này ! (Ngó ông Phán và Việt-Si một cách rất gay gắt.) Đè rồi coi, lốt lầm. Trời Đất ôi ! (day ra sau gọi) Mademoiselle Bạch-Yến !

(Nghe tiếng trả lời gặng : « Ôi ! » kế cõi Bạch-Yến vào).

Bà Phán (gay gắt).— Bầm nứ-si, tôi mướn nứ-si đến làm việc nơi phòng giấy chờ không phải « diễn tuồng cải lương » trong phòng máy. Bầm nứ-si...

Ông Phán.— Mẹ nó nói gì là vậy ?

Bà Phán.— Cha chả, còn muôn binh nứa hả, mới tức thi dây nứ-si nhà ta lên dây oán ca văn-thiên-tường, xuân-nữ, tương-tư... ăn nhịp với anh chef atelier, coi cup lạc quâ !

Bạch-Yến.— Tôi cầm bà...

Bà Phán.— Tôi cũng cầm cõi ở thêm một phút đồng-hồ trong hàng tôi. Cõi hãy đi cho mau.

Bạch-Yến.— À, đi thi đi, ai cần ai. (Lấy khăn dí, vú liếc, cười duyên, làm cho ông Phán và Việt-Si diễn cả hồn, nhưng không dám ngó ngay cõi, vì sợ bà Phán).

(Đang lúc ấy, ông Phán và Việt-Si sự quên ebô ở cửa cõi Bạch-Yến, nên lại bàn vò mảnh giấy viết khi nay bỏ vào túi. Bà Phán thấy kịp, chạy lại giựt trên tay ông Phán).

Bà Phán (Đọc).— Bảy-mươi đồng... Mademoiselle Bạch-Yến, 9 Boulevard Doudart de Lagrée... 9... (vò đầu). Trời ôi ! Hèn gi, dàn ông con trai xấu như vậy hảo dàn-bà con-gái dìng lang tâm sao dặng ?

Ông Phán.— È, thôi trả miếng giấy lại cho mỏa chờ !

Bà Phán.— Ô, phải chờ, lo lầm mà, kêu thợ khắc tấm bản đề : « Mademoiselle Bạch-Yến, 9 Boulevard Doudart de Lagrée », rồi treo lên giữa nhà cho đẽ nhõ. Cõi thợ-ký ! Ôi là thợ-ký dàn-bà !!!

— MÃN —

Sách chơi xuân 1938
của Hiệu NAM-KÝ
sắp xuất bản

Năm nay có nhiều bài hay và vui.—
Có nhiều hình đẹp. Ai cũng nên đón
xem.

Vừa được xinh đẹp và khôi phái xa-xi,
nếu chư tôn hay mua hàng lụa hiệu

CÁ - ÔNG

Những hàng lụa của nhà

L. WEGELIN

dều nổi danh trong khắp ca toàn cầu.



Hàng đeo của Nhà L. Wegelin thì đẹp
nhất thế nhất, bền chắc lắm, lâu nách
và lâu phai màu mà lại rẻ hên hết
sao nó.
Hat thay hàng L. Wegelin doa
đeo hiệu Cõi Ông nai bia
MARQUE DÉPOSÉE

Nơi các tiệm buôn bán hàng lụa lớn đều
có bán những thứ hàng trên đó.

Thằng nhò... rày giày

Một thằng nhò dứng góc chờ, rày giày cho dòn-
bào hay rằng : mời phái minh được một cách « làm
cho vật dồng-hồi thành ra ngọt ». Nhờ cách mời mè
này mà Thuốc xô hiệu Nhanh-Mai không còn mồ
dảng hối như trước nữa, ngâm vào miệng năm phút
cũng không biết dặng, là vì mỗi viên thuốc nhò, đều
có bao một lớp áo bàng bột ngọt.

THUỐC-XỎ

hiệu Nhanh-Mai hôm nay được đề uống như vậy, thi
tôi chắc rằng không còn ai mà không uống nó là một
món thuốc được nổi danh lừng lẫy lâu nay. Thuốc
cô tài rữa ruột sạch cõi cõi trung, lỏi kiêm và đậm
độc đều bị thuốc lồng lỏi ra cõi. Cõi gởi bán khắp cõi
Đông-Pháp, các Gare xe điện, tiệm cõi Nguyễn-Thị-
Kính. Mua sỉ do, nơi Nguyễn-vân-Phố Bolte poste
n° 63 Saigon, giá 0\$20.

Nên dùng THUỐC DÂN hiệu Con-Rén
Giá..... 0\$25

Bán hộp xoàn có tiếng đà 20 năm nay.

XIN QUÍ BÀ QUÍ CÓ CHIẾU CÓ

O. M. IBRAHIM & C^{ie}

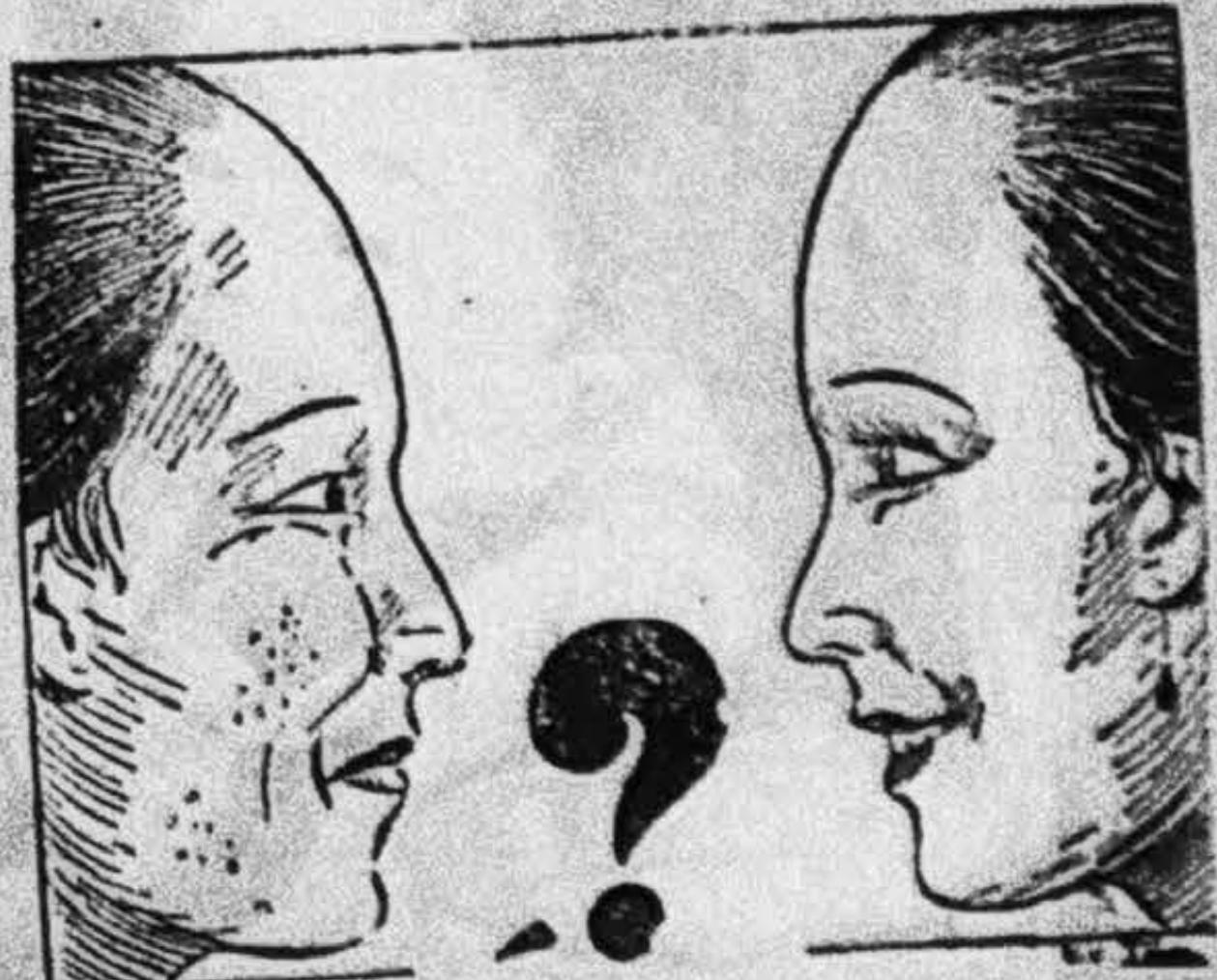
44, Rue Catinal, 44

SAIGON

LỊCH BÁO-KÈ

Lịch 1933 của Bồn-xã in rất kỳ, ngày Tây,
ngày Annam so với lịch Tây và lịch Tàu rất
trùng, không trùng trã tiền lai, chờ chằng
phải như lịch một nhà kia mới coi ngoài car-
ton ngày lễ gi mà trát giàn hết. Thứ lớn 5
mẫu 0\$60, thứ nhỏ 2 mẫu 0\$45, ở xa thêm
0\$30 tiền gởi.

TIN-DỨC-TRƯ-Xã
37-38, Sabourain, Saigon



Thưa các bà,

Nếu như mặt các bà có nút ruồi, có mũi, da mặt có rỗ
nước da vàng và có mồ hôi xinh rìn ; tóc rung lồng mi mắt
không dày ; mắt không sáng sủa v... v...

Muốn trị những chứng đó, thi xin các bà dùng những

dầu phẩm của Viên-Mỹ-Nhơn + KÉVA + chế ra.

Nhiều bà đã dùng thử, đều làm chứng cho là thần hiệu.

Tới xem khôi trả tiền. Xin catalogue, sẽ gửi cho,

không lấy tiền.

Mme MOISAN
Viên-Mỹ-Nhơn Kéva
40, rue Chasseloup-Laubat, Saigon
Téléphone 738

Le Directeur Gérant : NGUYỄN-DŨNG-NHƯẬN